

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE.

TRONG SỐ NÀY :

- Việc phải làm.
- Chương - trình và phương - pháp dạy khoa vệ-sinh trong lớp cao-dẳng bình dân.
- Tư tưởng xã-hội học hiện-dại.
- Những bước đi ngang (truyện dài)
- Nghiên-cứu về Nguyễn Du và truyện Kiều (nhân đọc một cuốn sách mới)
- Danh văn ngoại quốc : Lũng thông Khor.
- Mục - đích và chương - trình truyền - bá vệ - sinh và phổ-thông y-học ở thôn quê.
- Bạn đọc viết: Chút ít tài liệu về tiểu sử tác giả « Thu dạ lữ hoài ngâm » — ông Đinh nhật Thận (1815 - 1866)
- Việc quốc tế.
- Đời sống Đông-dương: Những hoạt-động xã-hội của sinh viên

VŨ VĂN HIỀN

VŨ ĐÌNH HÒE
A. A.

ĐỖ ĐỨC THU

ĐINH GIA TRINH

VÔ TÂM dịch

NGUYỄN TRINH CƠ

NGUYỄN TÀI CHẤT
Đ. Đ. Đ.

VŨ ĐÌNH HÒE

NĂM THỨ BA: SỐ 58—NGÀY 18 MARS 1944

TÒA BÁO: 15 PHỐ HÀNG DA HANOI — Giấy nói: 19.43 — GIÁ 0.40

BẠC KỲ TRUNG KỲ: 3 th 5\$00 6 th 9\$50 12 th 18\$00 NAM-KỲ, CAO-MIÊN: 5\$50, 10\$00, 19\$00

BAO THANH NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong so 25 Mars 1944

— Dị kiến đồng tâm	PHAN ANH
— Vấn đề Sử liệu	THANH TUYỀN
— Những chính sách về tiền tệ và hối đoái . . .	VŨ VĂN HIỀN
— Nghiên cứu về Nguyễn Du và truyện Kiều (bài đọc)	ĐINH GIA TRINH
— Cây đàn vô chủ	NGUYỄN LƯƠNG NGỌC
— Danh từ -y học	PHẠM KHẮC QUẢNG
— Chung quanh việc bán gạo	DÃ HẠC
— Những bước đi ngang	ĐỖ ĐỨC THU
— Việc quốc tế	ĐỖ ĐỨC DỤC

Ô-TÔ NHÀ LẦU...

CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH
SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI
BỎ 1 \$ 00 MUA
VÉ SỞ SỞ ĐÔNG-PHÁP

CẢI CHÍNH

— Trong bài: Danh văn ngoại quốc, số 57, giòng cuối cùng xin đọc là:

Trích ở báo La Cocarde 15-9-1894
Maurice Barrès

THÔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Các người không thể trở lại cái thời cũ được. Các người hãy một lòng hợp tác để đợi cuộc hòa bình, đừng để trong nước rối ren. Chính-phủ phải được nhân-dân trọng vọng mà tuân theo.

MỜI PHÁT HÀNH :

của TOÀN ANH

PHONG LƯU DÔNG RUỘNG

Một tập khảo-cứu phong-phủ về các phong-tục và thú chơi tao-nhã của ta ở các vùng quê xa Bắc: Ném pháo, thổi cơm thi, hát quan họ, v. v...

Vết tích của bao nhiêu vẻ đẹp hằn tàn của đất nước.



Bản thường 2 \$ 50

Bản giấy Nhì-Nùng .. 10, 00



ANH HOA

69, Hàng Than, 69 — HANOI



TỔNG PHÁT HÀNH TRONG TOÀN XỨ
Nhà sách MINH ĐỨC — THAI BÌNH

VIEC PHAI LAM

VU VAN HIEN

. Những cảnh hùng vĩ đang diễn ra trên thế-giới và những gương hy-sinh nêu cao từ Tây tới Đông luôn luôn sui ta vượt ra khỏi đời sống chật hẹp hàng ngày aề dừ vào một công-cuộc to-tát, để hoạt-động một cách hữu-ích cho quốc-gia xã-hội.

Cái hoài-bão ấy là hoài-bão chung cho toàn-thể dân-tộc và trí-thức Việt-Nam.

Nhưng ai cũng tự hỏi; bây giờ làm gì? Làm công-việc gì cho tài năng và hy-sinh của mình có hiệu-quả đến triệt-đề?

Để giả nhời câu hỏi ấy, mỗi người xét-đoán theo một cách, và mỗi người thấy có một việc đáng làm hơn mọi việc khác. Sự hoạt-động vì thế thiếu duy-nhất.

Trong lúc này cái gì cũng thiếu-thốn, cả công-tâm, lòng hăng-hái và sức làm việc ích cũng thiếu thốn nốt, mà phân chia như thế rất đáng tiếc!

Nhưng ta phải chịu nhận sự thật ấy vì nó chỉ là kết quả của bao nhiêu việc từ trước. Miễn là những người cùng ngay thẳng như nhau, cùng thành tâm như nhau, đừng theo đuổi những đường trái ngược để anh em ruột thịt mà sinh ra thù oán.

Trong lúc này bàn đến sự chia rẽ là một tội to.

Chỉ nên chia rẽ — mà chia rẽ hẳn — với những kẻ ích-kỷ, vụ-tu-lợi mà làm những việc trái với lương-tâm, trái với quyền-lợi của đoàn-thể mà thôi.

Còn thì theo đuổi một mục-dịch chung, trong tình-thế này, mỗi người có thể đi theo một ngã, chọn một đường, dùng một phương pháp cho thích-hợp với bản-chất, tài-năng, tình-cảnh riêng và địa-hạt hoạt-động của mình.

Thiếu một mối liên-lạc vững-chãi hơn, ta hãy lấy phụng-sự quốc-gia làm thứ giây tình-thần để nối những phần-lử rời-rạc trong xã-hội.

Nhưng đi theo đường nào, ở vào địa-hạt nào, ta cũng cần phải luôn luôn cởi mở, luôn luôn hoạt-động và hy-sinh để gáy giữa ta và quần chúng một sự trực-tiếp mật-thiết.

Có cố trực-tiếp với quần-chúng, có luôn luôn đi vào sâu nhĩng lớp xã-hội thấp kém thì ta mới biết nhĩng sự nhu cần, nhĩng điều mong mỏi tha-thiết của dân-tộc ta.

Có cố gắng như thế, ta mới có thể bỏ-lúc học-vấn và suy-nghĩ của ta bằng nhĩng kinh-nghiệm về thực-lẽ.

Trong cuộc gây-dựng tương-lai, về mọi phương-diện, xã-hội ta sẽ cần dùng nhiều người đã từng đem kiến-thức thu nhĩt ở ngoài mà áp dụng vào công việc trong nước, nhiều người đã nhờ suy-xét và học thức mà trông thấy nhĩng chân giới xa rộng, nhưng cũng đã nhờ sự thực-nghiệm mà biết rõ giai-đoạn ta phải đi qua, cùng công-việc ta có thể làm được.

Tìm-tòi, suy-nghĩ chỉ có thể cho ta nhĩng lý-thuyết; duy chỉ có sự thực-hành và trực-tiếp hàng ngày với mọi lớp trong quốc-dân mới cho ta biết rõ nhĩng sự thật chắc chắn để làm căn-bản cho một sự hoạt-động có hiệu-quả.

Không nhĩng thế, giảng giải cho một đờn-thể đương bị u-mê, hàn-gẫn nhĩng vết đau-khổ, và nhĩt là hàng ngày dặt tay nhay cổ gắng để theo đuổi một lý tưởng hay xây dựng một công cuộc, tất cả nhĩng việc làm cho ta trực-tiếp với số đông trong quốc dân đều có một điều-lợi, là làm cho mất sự chia rẽ về tiền của về tri-thức hay về địa-vị.

Nó làm cho mất sự cách biệt và hợp nhĩt mọi người trong một bầu không-khí tin-cậy, khiến cho ý-tưởng dần dần suy-diễn thành sự thật.

Vì không phải nhờ một vài người tán-thành mà ta có thể hy-vọng đem ý-tưởng ta vẫn tha-thiết ta thực-hành được.

Một ý-tưởng tốt-đẹp đến đâu nếu không có quần-chúng tin theo cũng chỉ là một hạt giống khó-khăn không thể nảy nở thành cây quả.

Đối với kẻ bàng-quan, người phát-xuất ra ý-tưởng ấy không khác gì một dừa trẻ chơi nghịch với nhĩng bóng xà-phòng hay một giầy tầm-gùt leo trên thân cây gỗ.

Bóng xà-phòng tan, người ta có thể sua dừa trẻ đi, và muốn lấy cây gỗ quý, người ta có thể dứt bỏ giầy tầm-gùt. Không phải vì kêu-khóc mà dừa trẻ sẽ mong được chõn mãi với nhĩng bóng xà-phòng, mà cũng không phải vì tốt lẽ mà giầy tầm-gùt bám mãi được trên cây gỗ quý.

Trong căn cứ của tương-lai, ta nặng hay nhẹ là do ở sự ta có tìm tiêu-biểu hay không cho một luồng tư-tưởng đã ăn sâu vào thề-chất của xã hội ta.

VŨ VĂN HIỀN

GIA-ĐÌNH VÀ GIÁO-DỤC

CHƯƠNG TRÌNH DẠY TRONG các lớp học bình dân

LỚP CAO ĐẲNG NGƯỜI LỚN (1)

VŨ DINH HÒE

II.— Chương-trình và phương-pháp dạy khoa vệ-sinh

Khoa vệ-sinh là một môn khó dạy nhất trong lớp cao-đẳng bình-dân người lớn. Người ta phải gây những thói quen mới để thay vào cái lối sống cầu thả nguy hiểm cho sức khỏe của cá-nhân và nòi giống. Nhưng ta cứ nghĩ rằng cái lối sống trái vệ-sinh ấy đã thành nếp từ bao nhiêu thế-kỷ nay rồi thì ta thấy phải bao nhiêu cố gắng mới có thể đưa được một vài kiến-thức về cách sống mới vào khối óc chật phắc của dân quê. Ngoài sự kiên-tâm và thời-gian phải có cả một tổ chức, phải có những tài lực to lớn mới có thể thực hành được một chương trình giáo-dục vệ-sinh cho dân-chúng ở xứ ta.

Công cuộc ấy vượt xa quá cái sức nhỏ mọn của một nhóm người vận dụng những phương tiện rất là nhỏ mọn. Biết vậy để ta từng mong mỗi người về những kết quả của lớp cao-đẳng bình-dân trong khoa vệ-sinh. Nhưng lại biết vậy để ta có quyền tự hào khi những cố gắng của ta đã làm giác ngộ được một vài phần-tử. Và lại phải biết vậy để, muốn được hưởng cái khoái lạc của sự thành công — nhỏ, nhỏ — ấy, ta phải rất thận trọng trong việc thực hành cái phần chương-trình giáo-khoa này,

— Trước hết huấn-luyện-viên phải là những tay chuyên môn, nghĩa là đã được huấn luyện không phải về khoa chữa bệnh nhưng về khoa vệ-sinh. Sự kinh-nghiệm cho người ta thấy rằng ở đâu mà việc truyền bá vệ-sinh giao cho các nhân viên Y-lý thì kết quả rất kém so với những nơi mà việc ấy được thực hành do sự hoạt động của những nhân-viên đã được chuyên luyện về khoa vệ-sinh, theo một chương-trình và một phương pháp khác hẳn với khoa chữa bệnh. Công cuộc Y-lý xã-hội (assistance médicale) có mục đích là xem bệnh chữa bệnh giúp

cho người nghèo, còn công cuộc xã hội vệ-sinh (hygiène sociale) nhằm sự khuyến bảo dạy dỗ cho mọi người biết cách giữ gìn sức mạnh và phòng bị bệnh tật. Nếu việc truyền bá vệ-sinh mà giao cho các nhân-viên y-lý thì họ sẽ theo vài thói quen tự-nhiên của họ là xem bệnh và chờ đơn vì họ cho những nhời khuyến bảo « sống » là không quan trọng bằng sự chữa bệnh. Vì vậy một lớp huấn luyện những viên phụ tá xã hội vệ-sinh (assistants d'hygiène sociale) mà áp dụng một chương trình giáo-khoa rút ở chương-trình huấn luyện nhân y sĩ, là một việc nguy-hiểm: những viên phụ tá xã hội vệ-sinh ấy sẽ tự coi và hành động như những viên thầy thuốc, những viên thầy thuốc « núp bóng » và không được học đến nơi đến chốn.

Hiện thời ta không có những nhà chuyên môn về khoa Vệ-sinh. Nhưng ta có thể trông ở những nhân viên trong ban Truyền-bá Vệ-sinh và dân-y-học của Tổng-hội sinh-viên. Đó là những anh em trường Thuốc, tuy không được huấn luyện chính thức về khoa ấy, nhưng hẳn đã có nghiên cứu lấy và đã trải sự thử thách của kinh-nghiệm vì chương-trình hành động đã có thực hành ở vài nơi. Vậy lớp cao-đẳng bình dân người lớn cần phải sự cộng tác của anh em trong ban T.B.V.S. và T.Y.H.

b) Trước khi khai giảng những buổi học về khoa Vệ-sinh cần phải làm một công việc sửa soạn quan trọng là xem xét tình hình vệ-sinh ở nơi làm việc để sẽ lập một chương trình dạy thích hợp với thực sự và nhu cầu của người theo học. Ví dụ sau những cuộc quan sát và điều tra kỹ lưỡng ta nhận thấy trong làng có một cái giếng nước ăn bán quá hục có những chuồng tiêu mở hẳn ra các lối đi lại và trong làng có một chứng bệnh rất nhiều người bị mắc như run sán, hoặc đau mắt hoặc sốt rét ngã nước, v.v...

Chương trình những bài giảng chỉ cần chuyển dời vào vài điều do sự quan sát trên đã gợi ra, đại khái:

(1) Xem T. N. số 45, 48, 50

1) phải bỏ tất uống nước lã, và tập thói quen uống nước đã đun sôi.

2) phải tránh ruồi nhặng : phải đậy các thức ăn, phải làm chuồng tiêu vào chỗ khuất và che đậy kỹ, di n y ăn những quả bánh bỏ ngổ có ruồi nhặng bâu, hiểu sự truyền nhiễm bệnh vì ruồi nhặng.

3) bệnh đau mắt phải lau mắt bằng khăn sạch — phải dùng khăn riêng để lau mắt, phải rửa sạch tay luôn...

Hoặc là bệnh sốt rét : phải tránh muỗi, phải nằm màn, lấp những vũng nước làm thoát nước ở các cống rãnh...

Mỗi vấn đề có thể giảng tầm hai, ba kỳ.

c) phương pháp dạy.

Điều cần nhất là dạy rất ít nhưng giảng cặn kẽ, thật đến nơi đến chốn, giảng đi giảng lại bằng nhiều lối khác nhau kỳ cho đến khi người nghe không những là hiểu mà còn phải công nhận là phải là có lợi hiển nhiên.

Cái then chốt của khoa vệ-sinh dạy ở đây là phải gây cho anh em dân quê một ý niệm mới về sự sạch sẽ, phải làm cho họ hiểu thế nào là sạch sẽ theo nghĩa khoa học. Sạch sẽ không phải là chỉ trắng bong và thơm tho, không lấm, không có sạn, không lùn bùn, không có mùi hôi thối.

Vì đối với con mắt khoa học cái trắng bong mà vẫn bần như mỡ đóng đờ ruồi bâu (sau khi đã nuốt hết ruồi đi) hay sữa bò để kiến sa vào (sau khi đã vớt hết kiến ra). Có cái thơm tho mà không sạch như bánh rán, lòng luộc bày ở chợ, hay thịt nướng chả của những con chó mắc bệnh. Mà trái lại, cái chất mỡ bò lầy nhầy hung hung lơ lơ dùng đục mới lấy ở ống thủy tinh ra để chửi đậu là một thứ thực phẩm khỉết và bát cơm gạo đỏ, lẫn tằm, lẫn cám, lẫn sạn mới sới ở nồi ra, cợn sạch sẽ bằng mấy đĩa cơm gạo lứt, trắng như bông, thơm phưng phức dọn cho khách ăn ở một hiệu cao lâu to lớn nhất.

Đó là những sự rất lạ, không thể tưởng tượng được, khó mà làm cho dân quê tin là đúng. Nhưng chính là phải làm được cho họ tin như thế, tin một cách quả quyết và thực thà, thì tất cả những bài giảng về cách ăn uống, nhà ở, nuôi con,... mới nghe chối được!

Vậy sạch sẽ là gì?

Người ta ghê tởm khi gặp một vật ó ố uế nươg nức những ròi, những bọ. Nhưng còn biết bao nhiêu thứ mắt trông thì sự sạch sẽ lấm, nhưng thực ra có hằng hà sa số những thứ ròi bọ nhỏ tí, nhỏ đến cực điểm nhưng cũng đáng sợ đến cực điểm vì nó gây đủ các tật bệnh. Những sinh vật ấy, ta chẳng lạ gì, là vi trùng. Nhưng đối với phải bình dân, cả cái thế giới vi trùng là một chuyện hoang đường hay chằng là chuyện gì cả! Làm thế nào cho họ

công nhận rằng có vi-trùng và hầu hết các bệnh tật đều do vi-trùng gây nên. Thì họ sẽ quan niệm được sự sạch sẽ theo nghĩa mới: vật gì sạch sẽ là không có vi-trùng bám vào. Họ sẽ quan niệm được nghĩa quan trọng của sự sạch sẽ. Sạch sẽ không phải chỉ để đẹp mắt và ngon miệng, nhưng sạch-sẽ để tránh bệnh tật.

Nền tảng của môn dạy vệ-sinh cho phải bình dân là ở đây. Bao nhiêu bài giảng về nước uống, ao giếng, cống rãnh, nhà cửa sáng sủa hay tối tăm, chuồng tiêu gần giếng và nhiều ruồi, bao nhiêu bài giảng về các bệnh đau mắt, di lỵ, sốt rét v. v... đều phải xây trên nền tảng ấy. Nói tóm lại môn dạy Vệ sinh phải bắt đầu bằng một phần tối quan trọng : đó là phần giảng về Vi trùng và sự Sạch sẽ tức là giảng một cách khoa học về nghĩa hai chữ Vệ sinh đấy.

Giảng như thế nào?

Phải cho họ trông thấy vi trùng. Ở trong nước, ở trong thức ăn, ở trong dử mắt của những người đau mắt, ở trong máu của những người sốt rét hay có bệnh giang mai... Đối với những người đã đứng tuổi, quen lối sống cầu thả và sẵn óc hoài nghi tất cả những cái gì mới, những lời giảng không có hiệu lực gì nếu không dựa vào những sự thực trông thấy và sờ thấy.

Phải cần đến một cái kính hiển-vi và rất nhiều tranh ảnh. Và phải bắt đầu bằng chỗ bắt đầu. Nghĩa là trước hết phải cho họ hiểu cái công dụng của kính hiển-vi là làm cho thấy rất to thộn ra những vật vô cùng nhỏ. Mà lại trước cả cái đó, cần phải cho họ hiểu rằng một vật có thể trông thấy to thêm ra được, cần cho họ lĩnh hội cái ý niệm về sự bội suất (notion du grossissement).

Dưới đây là cách thực hành bài dạy về công dụng kính hiển vi trong những lớp truyền bá vệ-sinh ở Ấn-độ— Hà-lan phương pháp vừa dần đi lại vừa thú vị.

Người ta cho thỉnh giả xem dần dần những hiện tượng sau này :

1) dùng một cái bút chì ngập một nửa vào trong cốc nước : cái nửa ngập trong nước sẽ thấy to hơn nửa ở ngoài.

2) dùng một cái kính soi các vật nhỏ (loupe) để soi những con kiến : những con nhìn qua kính sẽ to hơn những con ở ngoài.

3) chồng 2. 3 cái loupes lên nhau sẽ thấy những con kiến, nhìn qua kính, to dần mãi lên.

4) dùng kính hiển vi (microscope) làm bằng nhiều cái kính như kính loupes chồng lên nhau, soi con kiến sẽ thấy nó to hẳn lên gấp bội.

Khi người nghe đã hiểu rõ cách làm to thêm những vật nhỏ bé, bằng những thí nghiệm cụ thể và lạ mắt, ta sẽ bắt đầu giảng cho họ về vi trùng (Xem tiếp trang 26.

Tu' tu' o' ng

XÃ HỘI HỌC HIỆN ĐẠI

A. A.

Xã hội học là một môn khoa học rất mới. Kể từ đầu thế kỷ 19 là lúc môn học ấy bước vào thời kỳ khoa học đã nhiều học giả có danh tiếng ở hoàn cầu chuyên công khảo cứu khoa học này, và càng ngày học giới càng chú ý tới công phu của họ. Tuy nhiên, hiện nay phạm vi và biểu-dịch của khoa học này, vẫn chưa được mười phần rõ ràng; biết bao nhiêu học giả đã tốn giấy mực công phu để cố tìm giải quyết được câu hỏi: *xã hội học là cái gì*, vì khoa học này còn mới, phạm vi, phương pháp chưa nhất định, nên kẻ nhập môn rất dễ lầm đường. Ở các nước Tây Âu là nơi khoa học xã hội xuất hiện, biết bao nhiêu người chỉ mới xem xong một quyển sách, đã cầm bút viết về những vấn đề rất to tát về xã hội và tự chầm là xã hội học gia. Cái bệnh dịch xã hội học đó đã tràn sang nhiều nước ở Á Đông. Một vị giáo sư đại học Paris sang công cán bên Trung Hoa vào khoảng 1933, khi về, làm một tờ-trình, có một đoạn phân nân về cá bệnh dịch xã hội học ấy ở Trung Quốc. Giáo sư nói: « Một vài môn học, .. nhất là môn học gọi là xã hội học phải đem dạy cho sinh viên một cách thận trọng hơn. Vì môn học này hiện làm cho sinh viên phí nhiều thì giờ vô ích, và gây ra những xu hướng nguy hiểm, giống giải và những cuộc tranh luận có tính cách chính trị cần phải gác ra ngoài phạm vi khoa học. Một việc rất quan trọng mà cần phải giúp đỡ sinh viên Trung-hoa và cho cả Trung-quốc nữa là tập cho thanh-niên của họ hèn ghét sợ những chữ rất kêu nhưng rỗng tuếch, phải biết trọng sự thực tại và óc thực tế. » (Escarra.)

Như ở Pháp, hiện nay khoa xã hội học giầy làm một môn trong chương trình ban Văn khoa đại học. Như ở Paris, những sinh viên vụ sự thực học, trước khi muốn chuyên tâm học về khoa ấy thì ít ra cũng học qua một ban đại học, hoặc luật học, hoặc văn học, hoặc khoa học, tốt nghiệp rồi, có một học cốt tằm là chắc chắn, lúc bấy giờ mới theo học khoa xã-hội học. Nói như thế không có ý cho là khoa học xã hội khó đến nỗi phải cần tầm học ấy mới lĩnh hội được. Không? Bất cứ phải trình độ học cao mới hiểu được xã hội học, vì môn học này cũng như các mĩ học khác, có thể mở cửa rất rộng cho người ham học. Nhưng ham học chưa đủ, phải còn cần kiên nhẫn, khiêm tốn và thận trọng. Là vì khoa xã hội học hình như dễ quá nên rất dễ cám dỗ sinh viên khiến họ thấy khoa học hay hay, rất dễ hiểu, mà *nhất là rất dễ bàn* nên không chịu câu thúc trí não vào một kỷ luật nào cả, rồi do đó mà không chịu khó tìm tòi học tập, không biết trọng sự thực tại, cứ phóng túng tầm

trong những cuộc nguy luận không bền, không bền.

Cho nên sau nửa thế kỷ kinh nghiệm, những nhà xã hội học Âu, Mỹ, nhất là những nhà giáo sư đại học có trách nhiệm hướng dẫn hậu tiến trên con đường này, hết sức hồ hạo kẻ nhập môn phải thận trọng.

Ông P. A. Sorokin, giáo sư chuyên môn về xã-hội học ở trường đại học Harvard (Đức Mỹ), và là Viện trưởng viện quốc tế xã hội học đã viết một quyển sách nhan đề là « Những học thuyết xã hội học hiện đại ». mới xuất bản cách đây mấy năm, và đã được dịch ra 7 thứ tiếng (Pháp, Đức, Nam-tu, Tiệp-khắc, Trung-hoa (2 bản) Nhật-bản, và Bengali).

Trong quyển sách của ông, người ta nhận thấy một phương pháp hướng dẫn kẻ nhập môn khoa học này.

Kẻ nhập môn sẽ không được bàn luận đến những vấn đề to tát, viển vông, và cũng không cần học đến những vấn đề ấy. Trước hết là phải biết qua lịch trình tự tưởng xã hội học trong nửa thế kỷ vừa qua. Lịch sử, tìm một vấn đề rõ ràng, có giới hạn rất hẹp, mà nghiên cứu với một bộ óc thực tế.

Chúng tôi sẽ lần lượt dịch mấy đoạn quyển sách kể trên, tác giả trình bày lịch trình tự tưởng những học phái trong 5, 6 mươi năm vừa qua; bài này, chúng tôi trích một đoạn kết luận của quyển sách này, nói về hiện tình của khoa học xã hội.

... Phạm vi xã-hội học chia ra làm nhiều phần, và người ta đã dùng nhiều phương pháp khác nhau để lĩnh-hội được khoa-học ấy. Vì thế cho nên khoa-học này tiến hóa một cách rời rạc và có vẻ hỗn độn. Lấy thí dụ, thì toàn bộ khoa học xã-hội giống một cánh rừng hoang rậm, chứ không giống một khu vườn được xếp dọn trang hoàng. Tình thế ấy đáng mừng hay đáng tiếc? Kể ra trong cuộc tiến hóa, thì có trật tự, có khuôn phép vẫn là hay; nhưng cũng chớ nên cằn nệ về khuôn phép quá mà hóa dở. Cằn nệ khuôn phép mà buộc sự tìm tòi vào một giả-thuyết không chắc chắn không tự nhiên thì lại là một sự rất nguy hiểm về xã-hội-học. Phương pháp ấy có thể làm cho khoa học đòi bại và biến thành một thứ triết lý phiến tảo khó khăn. Ứng dụng với bản chất phức tạp của hiện tượng xã hội, phải có nhiều phương pháp để tìm tòi. Đem nhiều phương pháp khác nhau và có tính khoa học để khảo sát những hiện tượng xã hội, ta có thể hiểu thấu

được dễ hơn là nếu ta chỉ có một phương pháp duy nhất. Có một vài nhà xã hội học lấy làm băn khoăn vì khoa học của mình chưa có một phương pháp duy nhất, và có một vài nhà phê bình, không hiểu gì xã hội học, lấy cớ rằng vì không có phương pháp duy nhất, cho nên quả quyết rằng xã-hội-học không phải là một khoa học. Nếu những nhà phê bình ấy quả là có một đối phần thực-học về những khoa học về nhân sinh như Luật-học, Kinh-lễ học, Y-học, Chính-trị học, Tâm-lý học, v. v., thì họ cũng phải công nhận rằng những khoa học này chẳng qua cũng ở vào một tình thế thô sơ như xã-hội học mà thôi. Chỉ có bọn « học giả » bọ bọ trong bài quyết sách học nhà trường hay không biết bọ quắt phàm vì khoa học, mới giáng cho rằng những khoa học hời hợt này đã chấn chỉnh hẳn rồi ! Thật ra thì những khoa học ấy có hơn gì xã-hội học. Cho nên ta có quyền bảo những nhà phê bình ấy rằng giá như họ lên tiếng thì khôn hơn. Ta có thể lấy câu tục ngữ « xin các ngài hãy sờ lên gáy các ngài đã » mà bảo họ. Thế là kết luận điều hiềm nghi thứ nhất.

Một điều hiềm nghi thứ hai là « vườn » xã-hội học rất nhiều « cỏ gai » « hoa hoang ». Những cuộc biện-luận viển vông về những vấn đề như là : Xã-hội học là cái gì ? Thế nào mới thật là xã-hội học ? Phải nghiên cứu xã-hội học như thế nào ? Xã-hội phải chăng là một bộ phận sinh-vật cơ-thể ? Hay tâm lý cơ thể ? hay thương hình cơ thể ? hay chỉ là một bộ phận cơ khí ? Văn hóa phải chăng là một hiện tượng tâm lý hay ngoài tâm lý ? Những hiện tượng văn hóa, xã-hội, tâm lý xã hội, và tâm lý khác-nhau thế nào ? Thế nào là Tiến-B ? Liên lạc giữa xã-hội với cá nhân thế nào ? Đó là những thí dụ mà ta có thể gọi là « hoa hoang » nghĩa là hoa đẹp nhưng không kết thành quả được, và ngoài ra ta còn có thể kể biết bao nhiêu hoa hoang khác nữa. Nhiều tác phẩm về xã-hội học chỉ bàn phiếm những vấn đề kể trên và không thoát qua được vòng tròn quanh ấy. « Thấy cửa tưởng là nhà », chúng cái vỏ ngoài mà quên nhân trong, đó là bình chung của nhiều học-giả. Và chẳng những vấn đề « vô ngoài » ấy cũng thường thường trình bày một cách viển vông, và khó hiểu. Cho nên ngoài một đồng chữ kêu chống chửi, những loại xã-hội học ấy lại nào đưa ta đến sự hiểu biết chắc chắn của những hiện tượng xã-hội được ! Cũng vì vậy mà khi đã đọc qua những loại sách ấy, nhiều người có óc suy nghĩ tỏ vẻ hoài nghi đối khoa học xã hội. Nếu khoa học này chỉ là một « đồng chữ » kêu nhưng vô nghĩa, thì họ hoài nghi là phải. Họ có quyền bảo rằng : « xin các ông đi nghiên cứu phải nghiên cứu khoa học xã hội thế nào, xin hãy nghiên cứu xây đắp nó đi đã », « Đừng múa mép quay cuồng về những vấn đề phi lý, xin hãy cho biết một vài điều xác thực, một vài định lệ nhân quả, và phân

tích cho chúng tôi xem một vài hiện tượng xã hội » Kể ra nếu xã hội học chỉ là những thứ « hoa hoang » đã kể trên, thì họ hoài nghi như thế rất phải.

Bây giờ xin nói đến hạng « cỏ gai ». Tỉ như những lối lập luận ra vẻ mô phạm giay đờ. Quả thật, biết bao nhiêu tác phẩm về xã hội học đại để chỉ là những lời tập luận nông nổi, nếu lên, nào thế này là hay, thế kia là dở, thế này là tiến bộ thế kia là suy đồi, và hô hào những phương pháp để cứu vãn. Xã hội thoát khỏi bệnh này tạt nọ vắn vắn. Vì lối giay đờ ấy không cần phải có một nền học thức đứng đắn, nên biết bao người không có một tài năng gì mà cũng tự-chiến là « học-giả » cái gì cũng biết, cũng bàn và lên giọng giay đờ, khuyến đờ, nào là làm sao để trừ bỏ chiến tranh, nào là cách hạn chế sinh đẻ, nào là cách tổ chức lao công cũng là những vấn đề nam nữ, chủng tộc, vắn vắn. Đại để như thế, người ta đã viết ra biết bao sách vở, đăng báo chí biết bao nhiêu bài, tuyên truyền những ý tưởng nông nổi và ngớ ngẩn, mà họ vẫn lạm dụng danh từ xã hội học mà đặt tên cho tác phẩm lạ lùng của họ. Những bọn vô công đời nghề học nông chỉ thiên đã vào đây mà tự chiến là xã hội học gia ! Tất nhiên những hạng học-giả ấy đã bỏ xa khoa học xã hội và làm cho nhiều người hoài nghi với khoa học này. Một đảng là phân giải sự vật để xét đoán, một đảng lại so sánh giá trị mà khen chê ; một đảng là nghiên cứu sự vật theo cá hiện tượng xác thực, một đảng lại mô tả sự vật mà phỏng theo ý muốn riêng của mình, hai loại lập luận ấy khác nhau nhiều lắm. Cho nên thứ « cỏ gai » là lối lập luận kỳ lạ kia, phải đào cho đến rễ mà bỏ ra ngoài vườn xã hội học.

Lại còn những thứ « cỏ gai » nữa, tuy khác hẳn hạng kể trên, nhưng cũng không kém phần nguy hiểm. Tỉ như xét đoán sự vật trong thời gian hay không gian chưa đủ mà đã hấp tấp kết luận một cách quá rộng quá cao, vượt ra ngoài phạm vi nhỏ hẹp của tài liệu nghiên cứu của mình ; không biết những lý tưởng và công trình khảo cứu của những người đã suy nghĩ, kinh nghiệm trước mình, mà cứ nhắm mắt uống công tìm kiếm những cái mà người ta đã thấy rồi ; lập một lý thuyết mà không chịu tùy lương tất cả những quy-kết quan trọng của lý thuyết ấy để thử xem những hay kết ấy có đúng với thực tượng ở trong thời gian hay không gian chăng, và có khi lại không chịu thử lại lý thuyết của mình. v. v... Lý thuyết về xã hội học, có nhiên, có bao giờ được hoàn toàn, vậy nên càng cần phải thử. Thử ra mới biết rằng hoặc là phân tích sự vật có khi nhầm, hoặc là kết luận vượt quá phạm vi sự vật ; hoặc là quy kết không được xác thực, hoặc kết luận thiên tư. Cho nên nói rằng vườn xã hội học trông như « một vườn bảo tàng đầy thi hài của những lý

NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG

ĐỖ ĐỨC THIU

V

Hai 'đầu gối, như bộ máy thiếu dầu lại phải chạy nhiều, nóng lên, chuyển cái mỗi xuống ống chân. Từ đùi trở xuống đều thấy nhức. Nối liền những bước của Khôi đi từ sáng, con đường dài có đến chục cây số. Toàn thân thấy một mỏi, chàng ngồi xuống chiếc ghế dài bên ga xe điện.

Chàng đã bỏ thư viện. Điều kiện thứ nhất của người xâm việc bằng tinh thần: cái thư thái của tâm hồn, đã mất, Khôi không còn đủ sức hiểu một trang sách. Các giòng chữ thành bí mật như các cỗ tự Hy-lạp. Trong óc Khôi chỉ có một ý, dậy ngay với chàng khi ngủ dậy: « Làm thế nào, làm sao bây giờ? »

Ý giải quyết chuyện thiếu thốn lại lại từng ngày, như cái hên cái thuốc phiện của người chót nghiện. Bây giờ, lái khó đã đến. Chiếc xe đạp đã phải đem bán, để có tiền đưa Minh. Hôm Khôi đi bộ về, Minh hỏi đến xe. Chàng thần nhiên, trả lời:

« Mất rồi. Vào nhà giấy thép mua mấy cái tem, xe để ngoài bị kẻ cắp lấy mất. »

Mất xe đạp là một sự thường xảy ra trong thành phố. Minh không dám trách chàng lơ đãng, chỉ phản nản, tiếc mãi. Nàng bảo chàng:

« Thế bây giờ làm thế nào? Đề dành thì biết bao giờ mới đủ mua xe khác. Mà anh thì cần xe đi làm. Hay là vay ai, rồi góp trả dần người ta vậy. »

Khôi đã có giọng muốn gắt:

« Việc gì phải vay ai? Không có xe thì đi đất. Người ta không có xe đã hết cả đấy à? »

Minh im. Từ đấy, buổi sáng nàng dậy sớm hơn đun nước, và tối đợi chàng về chậm hơn. Ngày ngày, Khôi vẫn ra tỉnh, đi làm!

Khôi lơ đãng nhìn người qua lại, vợ vẫn nghĩ đến lời Minh. Hay đi vay cho đủ lúc này, rồi sẽ liệ. Nhưng vay ai? Bận đã ít, lại toàn những người nghèo, những phận tiền công chức, như chàng trước kia, có đi làm mới có ăn. Dù thừa lòng từ tế, cũng không chắc họ có tiền dư.

Khôi nhớ lại, thỉnh thoảng có đặt mượn họ thì cũng chỉ mười lăm đồng, sức họ cũng chỉ được đền đấy. Một gáo nước không chữa nổi xe cũ cháy. Và lại, hồi ấy chàng còn đi làm, người cho vay còn thấy eo lắt lại. Bây giờ, vị tất đã có người tin mà dám rời tên. Mồm miệng hỏi ai là mang lấy trước cái khổ bị chôn tằm.

Khôi chán ngán nhìn xuống đôi giày, gót đã vết, mấy đường nứt trên da mũi dễ hở màu bít tất. Cái ba đào của con người thường bắt đầu ở đôi giày, rồi lên đến cổ sơ-mi. Đôi giày tàn tạ, thiếu kem, thiếu phấn, cổ sơ-mi nhàu nát, mũi ca-vát sộc sộc đủ tố cáo cái khủng hoảng trong con người, mặc dầu quần áo còn tươm. Nó là bước đầu cho cái rách rưới theo sau. Quần áo của Khôi cũng sắp đến lúc hỏng. Khôi nhìn mãi mãi giày, ngẫu nhiên, cong đầu bàn chân cho kín chỗ hở.

Tiếng chuông xe điện đi sát vào họ, tiếng bánh xe nghiêng đường sắt làm Khôi giật mình ngẩng lên. Một đàn đom đóm bay loạn trước mắt, những điểm trắng chạy dạt về phía hai bên đuôi mắt. « Chết chưa, làm sao thế này? » Chàng bàng hoàng nhắm mắt, người yên, lúc mở ra thì đã bết hoa: « Không khéo lại ốm mất. Lúc này mà ốm nữa thì thật là đại bất hạnh. Cái họa thường đi đôi. » Rồi chàng lại như bất chấp số mệnh. « Mà ốm nữa thì đã làm sao? Thử xem xuống đến bực nào. Có lẽ lại là hay. Có cơ nằm nhà, đỡ phải đi làm đâu ». Lời hèn học do một khối căm hờn.

Khôi đứng dậy, đi lên phía hàng Đào, lối đã đi biết bao lần từ sáng. Từ cửa Nam lên chợ Đồng-xuân, qua bờ hồ là đường Khôi hay đi nhất. Ít khi anh chàng qua các phố tây, những nơi vắng người. Chàng nhựt cần tìm nơi đông đúc, nhìn sự hoạt động bên ngoài, cho khuấy cái trống trai, nhàn rỗi của người không công việc. Nhìn một chuy^{ên} xe điện, ngắm dáng một người đi, xem giá các hàng hóa bày trong tủ kính, rồi so sánh đắt, rẻ, tuy không bao giờ nghĩ đến chuyện mua, cũng giết được nhiều thời giờ không dùng đến. Hơn nữa là lại được khuấy khuấy, không phải bận với ý nghĩ bên trong.

Hai chân lại thấy mỗi. Chúng như không muốn đưa chân lên chợ đông-xuân chỗ đông đúc phải chen nhiều, phải giữ gìn từng bước, đi rẽ sang hàng Bưởi, nhìn những miếng sòng, miếng chừa ở các hàng thực phẩm, Khôi sợ nhỡ rằng từ sáng chẳng vẫn chưa ăn. Đồng hồ treo trong cửa hàng đã chỉ bốn giờ chiều. Tự nhiên, nước bọt ứa ra miệng, chỗ dạ dày thấy tê tê, đòi thức ăn. Chân lại muốn ngừng để bước vào hiệu. Lần này, Khôi cố bước mạnh cho qua cái thèm muốn do những miếng thịt mỡ hồng, những thực phẩm tiết hương ra mùi phở gây nên. Trong lúc này, đó là những món xa xỉ phải đủ điều kiện mới được dùng. Người có điều kiện, tức là có đủ tiền. Một cảm giác mệt mỏi bao phủ lấy người, chân tay chỉ muốn nghỉ ngơi theo một chiều ngang.

« Hay hôm nay về sớm, đi mãi thế này, cũng chẳng ích gì. » Khôi chưa kịp theo ý nghĩ, một chiếc xe quen đã đến trước mặt. Khôi vội tránh, nhưng Kiền đã gọi chàng, và bảo đỗ xe.

Khôi không muốn gặp ai trong lúc này, ngay cả đến bạn thân. Cuộc đời đã gập ghềnh, trong sự sinh hoạt chung quanh như không thấy chỗ mình, tư tưởng anh chàng ngẫu nhiên nhiệm ý oán hờn, không chịu tiếp xúc với bên ngoài, con ốc muốn thu mình vào vỏ cứng. Nỗi khó chịu tăng thêm, khi chàng thấy Kiền trả tiền xe, tiến đến bên, niềm nở :

« Đã lâu tôi không được gặp anh. Xe đạp của anh đâu? »

« Xe tôi hỏng, vừa mới đưa chữa ». Khôi miễn cưỡng trả lời.

« Công việc ra sao ? » Kiền vẫn niềm nở, đầy vẻ vui tươi thành được gặp bạn, « Vẫn tiến hành chứ ? Liệu bao giờ thì xong ? »

« Cũng khá, nhưng chưa biết đến bao giờ. » Khôi càng thấy khó chịu. Chàng nghĩ « nếu ta bảo đã bỏ ý ấy rồi, vì hoàn cảnh chưa cho làm, bây giờ còn phải nghĩ đến chuyện khác cần hơn : cái ăn, đây, thì Kiền sẽ bảo sao ? Bất nhỡ đừng nói gì cả là hơn ». Chàng cố nén một tiếng thở dài « Nếu bây giờ lại đi học ! »

« Chắc anh chưa ăn cơm. Hay đi ăn nhân thế với tôi nói chuyện ».

Khôi thoáng nghĩ « Đó là một người có đủ điều kiện ăn những miếng thịt ngon lành treo kia ! » Nhưng bây giờ Khôi không muốn ăn, không thấy đói: Chàng trả lời :

« Tôi phải về, nhà tôi đợi. »

Kiền gặng :

« Thì ăn xong rồi về cũng được chứ sao ? Hãy còn sớm mà. »

Khôi buồn rầu :

« Thôi để khi khác thiếu gì lúc ăn. »

Kiền thu dần nét mặt sởi lởi. Tuy điềm đạm ít nói nhưng đối với Kiền, Khôi vẫn còn mở, ít khi trả lời giống một. Đã có sự gì khác, lúc này không hợp chuyện. Kiền liếc nhìn Khôi ; Má mấp lại làm nhỏ thêm sống mũi, hai con mắt đau đăm nhìn xuống như không nhận

thấy có Kiền ở bên. Cả hai cũng im lặng đến bước. Ý nghĩ Khôi lại quay đến chuyện tiền. Ban này, nhằm tình những bạn để vay tiền khỏi quên kẻ Kiền, người có thể giúp được chàng. Con nhà giàu, đi làm để riêng tiền vặt, Kiền thường có tiền dư. Cũng đã có lần Khôi hỏi, bao giờ Kiền cũng đưa ngay, rồi không hề nhắc tới. Lần nào Khôi cũng hoàn lại phần mình và lại thêm nể bạn, chỉ những khi cần lắm mới hỏi đến Kiền. Hay bây giờ hỏi vay ? Khôi phân vân, ngượng vớ câu muốn nói. Lần trước gặp nhau, chàng đã đổ về khinh miệt đồng tiền.

« Đến đầu hàng Bưởi, hai người quay lại. Kiền hỏi :

« Bây giờ anh đi đâu ? »

« Tôi ra bờ hồ đợi xe điện đi về. »

Kiền đỡ tay :

« Thế anh về vậy. Lúc khác sẽ gặp nhau. Và liệu thì giờ ăn uống kể chuyện cho vui. »

Chia tay Kiền, Khôi lại thấy đói. Chàng lăm lăm : « Thế là nhỡ một bữa ăn, và một dịp vay tiền. » Đến bờ hồ lại vừa nhỡ một chuyến xe. Chàng dần bước lên mấy phố trên. Thấy một hàng cơm, không kịp suy nghĩ, Khôi tạt vào.

Người bồi lau vội cái đầu bàn nhộp nhúa, đầy xương cá, thức ăn thừa, lễ phép hỏi :

« Ngài soi cơm hay soi rượu ? »

« Rượu » Khôi trả lời.

« Ngài thấy gì soi rượu ? Có giò lợn, cá rán, thịt gà... »

« Cá rán, thịt gà. » Khôi như đứa trẻ học nói, lặp lại những tiếng cuối cùng một câu người lớn dạy cho.

Người ghé xuống chiếc ghế dài, đưa mắt nhìn quanh, chàng mới nhận thấy vẻ luộm thuộm, nhom nhích của nhà hàng. Thức ăn, đựng vào những chén sành bày ngay ngoài cửa hàng, tiết một mùi tanh hóa lẫn mùi khói bếp. Nếu chưa gọi thức ăn, chắc chàng đã quay ra. Ngay bên quầy hàng, mấy người cu-ly đang ăn cơm để đi kéo buồm xe chiều. Nhìn họ ăn rất ngon lành, Khôi lại càng ngượng nghịu, thấy đã vào lầm chỗ, Chàng tặc lưỡi : « Minh đã hơn gì ai ? Nhìn cái vui vẻ, ngon lành của họ, thì có lẽ xuống đến cùng, cuộc đời cũng vẫn còn đáng sống ». Chén rượu đưa lên miệng thấy bớt cay. Rồi quen miệng, chén nọ tiếp chén kia, Khôi quên được những mối lo.

Tối hôm ấy, Minh tin rằng chồng đã đi dự tiệc.

VI

Khách dắt xe đi thẳng vào sân. Nhận ra Kiền, bạn chồng, Minh vội chạy ra hè :

« Anh về chơi ».

Kiền chào Minh hỏi tiếp :

« Anh Khôi có nhà không ạ ? »

« Nhà tôi đi làm kia mà. Sao hôm nay anh lại được nghỉ ? »

Kiền ngạc nhiên :

« Thế ra anh ấy lại đi làm rồi. Thưa làm ở đâu kia ? »

Đến lượt Minh ngạc nhiên :

(Xem tiếp trang 20)

Nguyễn Du và truyện Kiều

===== (NHÂN ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH MỚI) =====

ĐINH GIA TRINH

Phần thứ nhất; LUẬN VỀ PHÊ BÌNH THEO
PHƯƠNG PHÁP KHOA HỌC.

Phần thứ nhì : TÂM SỰ NGUYỄN-DU.

Phần thứ ba ; TÂM LÝ CÁC NHÂN VẬT
TRUYỆN KIỀU

PHẦN THỨ NHẤT

Luận về phê-bình theo phương-pháp khoa-học

« *Viết quyển sách nhỏ này, tôi chú ý làm sáng một phương pháp nghiên cứu và phê bình văn học, phương pháp khách quan* »... « *Tôi chỉ đã làm nghĩa vụ một nhà phê bình văn tôn thờ khoa học* »: Tôi đọc những câu ấy ở đoạn kết luận cuốn sách nghiên cứu đề là **NGUYỄN-DU và TRUYỆN KIỀU** của ông Nguyễn-bách-Khoa (Văn Mới — 1942). Chủ ý tác giả là áp dụng phương pháp khoa học vào phê bình. (Khách quan là một điều kiện chính của ọc khoa học) Vậy tác giả đã phê bình với một tinh thần mới, đáng để ta chú ý.

Từ ngày tiếp xúc với tây phương, người ta đã nói nhiều về phương pháp khoa học và ca tụng nó, cho nó là cái phương pháp cần phải đem thay vào các phương-pháp tìm kiếm, khảo cứu và suy tưởng cũ, vì nó là phương pháp hợp với mục đích tìm chân lý hơn cả. Cho nên người ta được thấy hiện ra một xu hướng dùng phương pháp khoa học để tìm xét, nghiên cứu trong những ngành hoạt động tinh thần khác với ngành khoa học theo nghĩa hẹp của nó. (Về tất nhiên là người ta phải dùng phương pháp khoa học để tìm xét trong các khoa học theo nghĩa hẹp như vật lý học, hóa học, sinh vật học v.v.

v.v...). Ở các nước Âu-châu cũng vậy, người ta thấy phương pháp khoa học nhập vào địa hạt của xã hội học, luân lý học, sử học, v. v..., lại men đến cả địa hạt những hiện tượng vô hình, siêu hình nữa. Có một địa hạt mà phương pháp khoa học đã phải phấn đấu nhiều mới nhập tịch được và giữ một địa vị, đó là địa hạt khảo xét văn chương và nghệ thuật. Ở gốc sự cấu tạo văn chương và nghệ thuật có thiên tài, mà thiên tài xưa nay vẫn được coi là một cái gì huyền diệu và huyền bí, khó giải và khó phân tích. Thói thường người ta đối chiếu khoa học với văn chương và nghệ thuật. Cho nên người ta cho rằng khảo xét sự cấu tạo các tác phẩm văn chương và mỹ thuật không phải cứ dùng phương pháp của khoa học là thấy chân lý và giải quyết được hết mọi vấn đề khó khăn. Sự tranh luận về những quyền của phương pháp khoa học trong địa giới đó, những tính cách của phương pháp khoa học áp dụng vào sự khảo xét các hiện tượng văn chương, đã có thời kỳ rất sôi nổi bên Âu-châu, và ở Pháp nó đã bị kích thích mạnh sau, lúc, quyển « *La Fontaine et ses fables* » (La Fontaine và thơ ngụ ngôn của ông) và quyển « *les Origines de la France contemporaine* » (Nguồn gốc của nước Pháp đương thời) của Taine ra đời.

Trước hết ta phải tự hỏi : *thế nào là phương pháp khoa học thực hiệu ?*

Phương pháp khoa học là một phương pháp dùng để tìm tòi (procédé-de recherche), có tính cách cốt yếu là phải khách quan. Ta phải quy phục những sự kiện, sự quan sát của ta phải hết sức đứng ra ngoài ảnh hưởng tác loạn của giác quan và tình cảm. Sự kiện khoa học ở ngoài ta, và không tùy thuộc, những cảm giác, tính tình, hoặc những trạng thái của cơ thể ta, cũng là không tùy thuộc theo cách từng người. Cho nên

kiến thức khoa học ở trí tuệ nào cũng giống nhau. Những luật vật-lý học, những định lý kỹ-hà học bao giờ cũng không đổi, dù đối với một nhà bác học hoặc đối với một cậu học trò tầm thường.

Quan sát khách quan, thu nhặt, ghi chép những sự kiện, xét những mối liên lạc tùy thuộc của những sự kiện đầu tiên đó (những mối quan hệ tùy thuộc ấy cũng là những sự kiện khoa học), rồi biểu diễn những định luật khoa học, nó là những sự thực khách quan, đối với trí não nào cũng thế. Để gây những sự kiện làm đầu mối cho quan sát, để kiểm điểm lại quan sát đã có, nhà khoa học dùng những thí nghiệm (phương pháp thực nghiệm).

Trước những tiến bộ nhanh chóng của khoa học, người ta tự hỏi có nên đem những phương pháp tính toán ở khoa học áp dụng vào các ngành hoạt động khác của trí tuệ không. Phương pháp khoa học có thể đem dùng để tìm tòi các sự thực ở luân lý, ở chính trị, ở xã hội học không? Đi quá nửa, phá đổ cái thành kiến văn chương nghệ thuật khác biệt với khoa học, ta có thể đem dùng phương pháp khoa học trong sự khảo xét các hiện tượng văn chương và nghệ thuật, (phénomènes littéraires et artistiques) không? Về luân lý, chính trị, xã hội học, lời đáp không còn phải do dự nữa: phương pháp khoa học đã được dùng, và đã làm cho các môn học ấy tiến được những bước khá giải ở phần đầu thế kỷ thứ 20 này. Riêng có vấn đề áp dụng phương pháp khoa học vào sự cấu tạo văn chương và phê bình khảo xét các hiện tượng văn chương, là đáng đề ra chú ý hơn cả trong dịp bàn luận này.

Có những thi sĩ, những tiểu thuyết gia, những nhà phê bình, mơ tưởng cho những quan niệm, ý kiến của họ một tinh cách khoa học. Ta hãy lấy mấy thí dụ: Một tiểu thuyết gia sẵn tin một thuyết khoa học, thuyết di truyền do một học phái nào công bố, viết một cuốn tiểu thuyết để chứng minh sự xác thực của thuyết ấy. Một nhà văn tưởng tượng giết người chà đạp, tác giả sẽ cố tìm những căn cứ lịch sử di truyền của dòng họ nhà ấy, sẽ cho ta biết người cha nghiệp dĩ rởm, người ông sát nhân v.v... Hoặc nhà tiểu thuyết đồ tể tin ở thuyết khí hậu ảnh hưởng đến tâm lý tình người, viết tiểu thuyết để chứng tỏ định luật ấy. Một tiểu thuyết gia khác viết một cuốn tiểu thuyết chủ

kể lại trung thành những nhận xét thực sự về một hoàn cảnh, một đám nhân vật, không có chút định kiến gì trước về tư tưởng cả. Đọc cuốn tiểu thuyết đó, độc giả nhận thấy nó là một chứng minh của luật di truyền, hoặc luật ảnh hưởng của hoàn cảnh.

Hai sự cấu tạo khác nhau, hai phương pháp làm việc khác nhau. Tiểu thuyết gia thứ nhất dùng văn chương để phô diễn một thuyết khoa học, y không dụng ý nhận xét khách quan các sự thực để tả, mà dụng ý đặt ra những sự kiện thích hợp với mục đích chứng tỏ rằng thuyết di truyền hoặc ảnh hưởng của hoàn cảnh là đúng; hoặc trong sự nhận xét y chỉ chú ý đến những sự kiện chứng minh thuyết ấy mà bỏ những sự kiện phản thuyết ấy thì cũng thế. *Y đã đem khoa học vào văn chương, hay nói cho đúng, đã đem một thuyết khoa học vào văn chương, Y tin thuyết ấy trước khi nhận xét sự vật. Y có thành kiến trước khi viết. Dầu y có nói sao, ta cũng phải đáp rằng y không có tinh thần khoa học thực hiệu, và không hề áp dụng phương pháp khoa học trong văn chương.* Trái lại tiểu thuyết gia thứ hai quan sát hết sức khách quan, tả hết sức đúng sự thực. Độc giả tìm thấy chứng minh của những luật khoa học gì trong tác phẩm của y, đó không phải là điều y đặt nhất chú ý đến. Ấy như thế mà chính y lại có tinh thần khoa học và đã áp dụng phương pháp khoa học vào văn chương (bởi nghệ thuật tả chân của y), vì phương pháp khoa học trước hết hãy là sự quý phục các sự kiện (la soumission aux faits). Kết quả thực trào phúng: kẻ muốn phô trương óc khoa học lại phản lại tinh thần khoa học, mà kẻ chỉ muốn là nghệ sĩ thôi thì lại đạt tới tinh thần khoa học.

Tiểu thuyết gia thứ nhất lầm tưởng rằng mình viết một tác phẩm có tinh cách khoa học. Tại sao có sự ngộ nhận ấy? Duyên do bởi một sự nhận lầm về phương pháp khoa học. Bác-sĩ Grasset trong cuốn « Limites de la biologie » (Biên giới của sinh vật học), kể lịch sử của những công cuộc cho nhập tịch khoa học vào nhiều ngành hoạt động tinh thần, và viết rằng những kết quả xấu của sự nhập tịch đó khiến cho các nhà trí thức bất mãn và không tin

ở giá trị của khoa học nữa. Ông giận rằng những phương pháp khoa học đã dùng đều thất bại là vì nó không đủ tính cách khoa học. Ngồi bèn ta không biết thích nghi phương pháp khoa học với tính cách riêng của mỗi môn học mới, mà đem phương pháp thích hợp cho môn này dùng ở môn khác, không biến đổi đi. Những nhà toán học suy luận ở nghệ thuật hoặc ở chính trị học với óc kỹ thuật. Nhà hóa học suy luận trước các hiện tượng xã hội như trước một hiện tượng hóa chế trong bầu thủy tinh! Nhà sinh vật học hoặc nhà bác học y sĩ thấy dấu cũng là phát biểu của các định luật về sự sống của cơ thể. Nhà văn sĩ thứ nhất nói trên kia cơ thể là một nhà bác học tin ở thuyết di truyền, khi viết tiểu thuyết ông đã mang những lý thuyết sinh vật học để xếp đặt những đời sông tưởng tượng trong một tác phẩm nghệ thuật, và ông đã làm hại cả khoa học và cả nghệ thuật. Chính nhà văn sĩ Pháp Emile Zola, tác giả bộ « Tiểu thuyết thực nghiệm » cũng đã làm như vậy khi ông vẽ cái bảng thế hệ của các nhân vật trong tiểu thuyết của ông tương tự như một bộ luật về di truyền, và đem thuyết của Claude Bernard kết hợp với mỹ pháp của văn chương lãng mạn.

Trong địa hạt tiểu thuyết dấu hiệu nào khiến ta nhận thấy được tinh thần khoa học? Paul Bourget đã giả nhời câu hỏi đó : « Ở dấu hiệu rằng nguyên tắc tìm tài liệu xác thực cái quản có hiệu lực trí tưởng tượng của văn sĩ » (De la vraie méthode scientifique. Dans *Sociologie et Littérature* — Plon. 1928 — Trang 14).

Ở địa hạt phê bình văn chương cũng vẫn lời cảnh cáo trên đây cần phải nhắc lại : *Phải trọng sự quan sát xác thực, khách quan, phải giữ phục sự kiện. Phương pháp khoa học phải dùng một cách thận trọng. « khiêm tốn, không khái luận vội vàng, không định tắc sẵn trước, không ỷ thuyết siêu lý »* (La méthode scientifique pratiquée comme elle doit l'être, modestement, rigoureusement, sans généralisation préalable, sans postulat anticipé, sans hypothèse métaphysique) (Paul Bourget — Sách kê trên, tr. 15). Chớ nên nhầm những ước thuyết khoa học với khoa học, nên kể những thành kiến, và phải thích nghi phương pháp khoa học với tính cách của mỗi môn khác nhau. Khi Taine cho

rằng bí ẩn của sự cấu tạo văn chương có thể giải nghĩa được bằng giọng nói, hoàn cảnh và thời khắc (trong cuốn *La Fontaine et ses Fables*), ông đã làm một quan điểm, riêng với một định luật, một ỷ thuyết có giá trị diệu khoa học với khoa học. Coi những nhà phê bình, phỏng theo phương pháp của sinh vật học, coi một hiện tượng văn chương như một sinh vật, lịch sử tiến hóa của hiện tượng ấy như lịch kỳ tiến hóa của một sinh vật, có sinh, có trưởng, có chết (sự tiến hóa của một loại văn chương anh hùng ca, kịch, tiểu thuyết). Cũng đã có những công trình tài khéo, trí lảo, khéo công từ quan niệm ấy, nhưng cũng đã có bao nhiêu kiến điểm nhân tạo và cưỡng ép do quan niệm ấy mà ra. Một vài nhà phê bình Âu-Châu cố định kiến đã cho rằng sự phát biểu của thiên tài có liên lạc mật thiết với một vài lời tổ chức thần kinh chưa đến nỗi một tiểu sử của Musset hoặc của Edgar Poe chỉ là một chương tâm bệnh học! Văn biết cơ thể có liên lạc với tinh thần, nhưng tư tưởng quả quyết rằng sự kiện sinh lý là chính, mà sự kiện tâm lý là phụ, là phản ảnh, ấy chỉ là một lý thuyết, chưa phải là một chân lý, vì sinh vật học và tâm lý học chưa nổi tiếng cuối cùng của chung nó. *Phê bình như thế chưa phải là phê bình theo phương pháp khoa học, mà chỉ là phê bình theo một lý thuyết khoa học.* Người trí giả ai chẳng hiểu rằng các lý thuyết có thể tàn rụi và biến hóa tự cải để được hoàn thiện theo thời gian? Paul Bourget có viết : « Sự kiện chính trị, sự kiện luân lý, sự kiện tôn giáo (ta thêm vào sự kiện văn chương), hiện bày ra trước ta, không thể so ước được với những sự kiện khác. Đó là những sự kiện sơ nguyên, và nếu chúng ta cộng nhận chúng nõ như vậy, chúng ta mới có tinh thần khoa học. Chúng ta phải khảo sát những sự kiện ấy trong cái tình cách đặc biệt của chúng và phát kiến những định luật của chúng, không phải theo một cách thuần lý, mà là theo cách thực nghiệm. (Le fait politique, le fait éthique, le fait religieux, se présentent à nous comme incommensurables à d'autres. Ce sont des faits premiers, et nous ne sommes vraiment scientifiques qu'en les admettant comme tels. Nous avons à les étudier dans leur originalité et à dégager leurs lois d'une manière, non pas rationnelle, mais expérimentale (S.k.t.r. 17).

Trong đoạn kết luận của cuốn sách nghiên cứu *Nguyễn-Du và Truyện Kiều* (đoạn kết luận có thể coi như một đoạn tựa, đáng đọc ở đầu), tác giả có tỏ cho độc giả hiểu rằng phương pháp phê bình của ông là phương pháp khoa học, chú trọng ở khách quan. Luôn luôn những chữ : « *ó khoa học* », « *phương pháp khoa học* », được tác giả nhắc tới. Vậy ta thử xét xem cái phương pháp khoa học của ông Nguyễn-bách-Khoa đem dùng để khảo cứu văn chương nó thế nào.

Trước hết như ta đã nói, phương pháp khoa học trọng khách quan. Ông Nguyễn-bách-Khoa viết : « *Lời gác bỏ hết những tình cảm riêng, những thành kiến và dự luận đã định giá thi sĩ kia và thi phẩm kia, những oai quyền văn học đã làm hèn thuân cho sự định giá ấy* », nghĩa là ông « *dứt bỏ cái chủ quan* » của ông (tr. 336). Tóm lại, tác giả muốn gác bỏ thành kiến, tình cảm, muốn xét các sự kiện theo lối nhà bác học xét đặc hiện tượng tự nhiên.

Vậy tác giả viết cuốn *Nguyễn-Du và Truyện Kiều* có thành kiến gì không ? Chẳng phải tìm tòi khó khăn mới thấy rằng ông sẵn có thành kiến và ông đã tự thú ra như vậy không sợ lập luận mâu thuẫn : cũng cùng trong một trang với lời tuyên bố khách quan của ông, ông viết : « *Bình sinh tôi vẫn tin rằng : bất cứ vấn đề gì cũng là một vấn đề toán pháp* ». Đó là một định kiến đặt sẵn trước mà tiếng pháp gọi là *postulat a priori*. Vì đó không phải là một chân lý hiển nhiên mà ai cũng phải công nhận, đó là một quan điểm cần phải giải, chứng minh, và chỉ có một giá trị tương đối mà thôi. Đó là một ý kiến mà tác giả yêu thích (hình sinh tôi vẫn tin...).) làm căn bản cho sự suy nghĩ. Chủ quan đã vào phương pháp khách quan của ông ngay từ chỗ khởi luận, « *Vấn đề gì (cả vấn đề toán pháp, xã hội, luân lý ?) cũng chỉ là một bài toán phải dùng toán trí n. a. giải quyết* », lời báo đoán ấy làm người trí giả chau mày, vì nếu cái « *toán trí* » của Nguyễn-quân có tương tự đôi chút với cái óc quy củ (esprit de géométrie), thì chẳng hóa ra trong đời cái óc tình nhuệ (esprit de finesse) hoàn toàn vô dụng ư ? Sự lập luận kỳ khôi ấy có thể làm sững sốt cả các bậc trí thức Tây phương xưa nay vẫn bênh vực khoa học, và nó làm độc giả bất mãn nhiều lắm..

LUNG THOONG KHO

NGUYỄN VĂN CUI DAO HANH TRI

VÔ TÂM dịch

Lời nói đầu. — Hai chữ « *Tạp văn* » lâu nay đã hành hản một lối văn trên văn-dân Trung-quốc. Ý-nghĩa hai chữ này hơi giống chữ Divers, trong tiếng Pháp. Nhưng ở Lào, Tạp-văn đã phát-triển đến một trình độ rất cao trong hai mươi năm gần đây.

Trước hết nó là một lối văn tranh-dấu. Về phần bút-pháp, phần tự liệu, cũng như về thể-tài, tạp-văn 11 thế kỷ gần với lối văn cổ điển ngày xưa. Xét theo nội-dung, tạp-văn nhằm vào một mục đích nhất-dịnh : đối địch với lý-tưởng lạc hậu ngày trước. Trong khoảng hai mươi năm gần đây, nhiều tờ Tạp-thi đã lên lộ rất đặc lực lối « *Tạp-văn* ». Như tờ : Màng-Chung ; tờ Thái-bạch ; và tờ Tạp-văn ở Tokyo. Tạp-văn tức là « *khinh kỵ đội* » (cavalerie légère) của văn-học Trung-quốc ngày nay.

Trước lúc giải thích lối văn này chúng tôi tưởng nên giới thiệu cùng độc giả một vài bài « *Tạp-văn* ».

Cụ cả tên gì họ gì, không ai rõ. Chỉ vì cụ ăn nói mơ hồ, và tuổi tác đã cao, nên người ta đặt cho cụ cái tên là *Lũng-thoong-Kho* (*Lung-thong-Kha* ; tác mơ hồ). Cụ người lũng E-công-lông, huyện Ea-là, tỉnh Bả-đồ, bên nước Hồn-độn. Nếu người ta hỏi cụ : xuân thu cụ năm nay bao nhiêu ? Cụ sẽ giả lời : « *Giảm sáu chục gì đó* ». Nếu hỏi : « *Cụ có nhà năm nay hành-canh bao nhiêu* » Thì : « *Cám ơn cụ nhà tôi tuổi tác đã khá cao* ». Nếu hỏi : « *Cụ đã được mấy cô, cậu con* ? » Cụ sẽ nói « *Vâng ! đã được mấy đứa* ». Hỏi : « *Bán giờ, một bữa cơm cụ có thể nuốt được mấy lát ?* » Giả lời : « *Còn ăn được khá khá đây a* ». Hỏi : « *Bổng lực cụ n.đ. tháng thế nào ?* » Thừa : « *Chả lực bao cơ* ». Hỏi. Từ bên quý quốc sang nước Trung-quốc nhà chúng tôi ra hay gần ? » Thừa : « *Cũng gần ! Cũng gần !* » Hỏi : « *Thế từ quý quốc qua nước Đức ?* » Thừa : « *Khá xa ! Khá xa !* ».

Năm xưa ông Đại-tổng-thống nước Hồn-độn nghe tiếng Lũng thoong Kho, liền mời cụ ra phụ trách về việc giáo dục dân-chúng. Số là ông Đại-tổng-thống này đã từng đọc lộ Tam-quốc diễn nghĩa, cho nên lúc nay những mơ tưởng tìm sao cho được một bác Bàng-Thống, có thể giúp ông trị nước yên

dân. Rồi chữ « *Lũng* » ông lại đọc nhầm ra là chữ Bàng, cho nên ông nhận ngay « *Lũng thoong Kho* » làm Bàng-Thống, thế là Lũng thoong Kho nhẩy lên ngay lên một địa-vị quan trọng trong chính-phủ Hồn-độn và bao nhiêu ông giáo, bao nhiêu sinh viên, l. c. o. nhiệm học sinh nước Hồn-độn một ngày kia bỗng dung hóa thành một lũ Lũng thoong con. Các ngài không tin, hãy thử xem cách thực dạy trong một lớp học vậy :

Lũng thoong học trò :
— *Lạy thầy : nước X to chừng nào ?*
Lũng thoong thầy :
— *Pé kia a ! Pé lắm kia a !*
Lũng thoong học trò :
— *Thưa thầy dân nước X được bao nhiêu ?*
Lũng thoong thầy :
— *Nhiều kia a ! Nhiều lắm kia a !*
Lũng thoong học trò :
— *Thưa thầy, thế vì sao nước X muốn lấy ba tỉnh miền đông của ta ?*
Lũng thoong thầy :
— *Chả là mấy tỉnh đó giàu, giàu lắm kia a ! Nhưng sao các con lại cứ hỏi thầy mãi làm vậy ? Đề thầy hỏi các con mấy câu xem. Nay các con : nước Trung quốc to hay bé ?*
(Xem tiếp trang 19)

Một thành kiến nữa : Nguyễn-quân cho rằng mỗi cá nhân chịu ảnh hưởng của di truyền, của giai-cấp, của hoàn cảnh xã-hội, của hoàn cảnh thiên nhiên, và là sản phẩm của tất cả những nguyên động lực đó. « *Người là sản phẩm của hoàn cảnh* ». Đọc đoạn kết luận ta thấy tác giả nói rằng theo phương pháp khoa học xét nguồn gốc sự cấu tạo cả tinh Nguyễn-Du, tác giả tìm thấy hai chân lý sau này ; *văn-chương là phản ảnh của con người* ; — *con người là sản phẩm của hoàn cảnh*. Độc giả đọc vội cho rằng hai điều quyết đoán ấy là do tác giả tìm thấy sau sự khảo xét Nguyễn-Du và truyện Kiều, nếu ta cho nó là sai lầm hoặc quá đáng thì ta phải trách tác giả đã lập luận sai lầm, hoặc hấp tấp, căn cứ vào một thí dụ mà khái luận. Nhưng thực ra thì những ý tưởng ấy là những định kiến tác giả đã có sẵn trước khi viết cuốn sách nghiên cứu về Nguyễn-Du. Chúng cơ rõ rệt là tác giả đã đem những thuyết về ảnh hưởng của huyết-thống, của hoàn cảnh, đem diễn ngay ở đầu cuốn sách, để dùng làm nguyên tắc của sự tìm tòi (principes de recherche). Dù ta vẫn công nhận rằng huyết-thống, hoàn cảnh, thời khác, có ảnh hưởng đối với cá nhân ta cũng không thể không cho những thuyết ấy là những tự kiến, không phải là những chân lý tuyệt đối, bất di bất dịch. Đặt những tự kiến ấy làm căn bản cho sự khảo xét, tức là biến những tự kiến ấy thành định kiến vậy.

Trên đây là hai định kiến đã chi huy sự tìm tòi và suy luận của tác giả (postulats de méthode). Tác giả lại có cả định kiến về phần văn chương nữa (postulat d'appréhension). Tác giả viết : « *Văn chương còn phải lấy ích n. a.* » « *Thấy một người đi qua, hãy đọc một cuốn sách, ta phải hỏi câu này trước nhất : « Nó có ích gì không ? »* » (tr. 340). Định kiến ấy khiến trong quyển *Nguyễn-Du và Truyện Kiều*, tác giả có dịp luôn luôn nhăng bở cái phần nghệ thuật của thi phẩm, và công kích, mạt sát, cái tâm lý của Nguyễn-Du, cái tâm trạng của một đẳng cấp, cái tâm lý của một vài nhân vật trong truyện, cho là uoa hèn, ủy mị, như nhớp. Tác giả muốn chúng ta hiểu rằng truyện Kiều là một áng văn

truyền-bá vệ-sinh và PHỔ-THÔNG Y-HỌC ở thôn quê

NGUYỄN TRINH CỎ

(Tiếp theo kỳ trước)

Ban T.B.V.S. và P.T.Y.H. của T.H.S.V.C.Đ. bắt đầu làm việc được hơn một năm nay.

Eo hẹp thì giờ thì ít, nhưng eo hẹp đồng tiền thì nhiều. Tuy vậy, nhờ ở sự giúp đỡ của vài ba bậc đàn anh, chúng tôi đã phân phát được đi các nơi mười vạn tờ nói về các bệnh thông thường.

Và trong trại thanh niên Tương-mai, chúng tôi đã được dịp mách bảo về thuốc thang hay về Vệ-sinh cho ngót 1000 người. Trong số ấy có nhiều người đã không quản ngại đường xa mà đi ngoài 50 cây số đến để hỏi chúng tôi. Chỉ một việc ấy cũng đủ làm cho chúng tôi cảm động và vui vẻ tin ở sự thành công. (1)

Công việc từ trước đến giờ của chúng tôi đang còn ít ỏi lắm ;

— Chỉ là mấy bước đầu của một đứa bé mới chập chững.

— Chỉ là một tiếng gọi nhỏ để chờ những tiếng vang khác.

Nhờ ở sự chỉ bảo của các bậc đàn anh, nhờ ở sự dùm giúp của các nhà hảo tâm, chúng tôi hết sức tin rằng công việc của chúng tôi có thể to tát hơn nhiều nữa.

*

Mục đích của chúng tôi là giáo hóa các anh em dân quê nên ở thôn quê sẽ là chỗ chúng tôi làm việc nhiều hơn hết.

Ở đấy, công việc làm sẽ nhiều lúc khó khăn.

Bảo với những người dân quê phải sống theo một cuộc đời mới nghĩa là bảo họ phải lia bỏ hết cả :

— những thói quen chồng chất từ đời này đến đời khác.

— những thói quen mà họ đã tiêm nhiễm được từ khi họ mới lọt lòng.

— và lúc nào họ cũng thấy ở những người sống chung quanh họ.

Là bỏ được những thói quen ấy đâu phải là một việc dễ !

Có lẽ phải nhiều công trình lắm, nhiều nhấn nại lắm mới khiến được người dân quê bỏ những thói quen cũ, chẳng hạn khiến cho họ phải đi đại tiện ở chuồng tiêu và không phóng uế bừa bãi ở rãnh nước hay ở ngoài đồng.

Phải nhấn nại mà khuyên nhủ.

Phải dụ dỗ mà thúc dục.

thì mới cảm hóa được người.

Phải làm cho họ hiểu cái hại của thói quen cũ, cái hại của sự thay đổi mới.

Phải để họ vui vẻ tự ý mà theo.

Nếu vì nề nang, vì miễn cưỡng thì sự thay đổi chỉ trong nhất thời. Chớ hay chầy các thói cũ sẽ dẫn đầu lại vào đấy.

Ở nhiều nước, người ta đã nghiệm rằng một điều tối kỵ là mang sẵn các vật đến biếu dân quê rồi bảo họ dùng.

Thí dụ : muốn cho họ dùng chuồng tiêu mà đi xây sán cho họ rồi mời họ vào đấy mà phóng uế thì họ chẳng nghe nhời mãi đâu.

Phải để họ đào lấy hố, tự xây lấy nhà. Họ đã dùng đến sức của họ, họ đã bỏ tiền riêng của họ nghĩa là họ đã vui lòng tin và việc thay đổi mới mong được lâu dài.

(1) Những con số kể đây thuộc về năm 1942.

Phải để họ tự ý tham dự vào công việc với nhiệt tâm của người mới được cảm hóa.

Sau nữa không nên quên rằng T. B. V. S. phải phổ cập tới cá nhân và bàn đến tất cả phương diện có liên can đến đời sống.

Và việc truyền bá phải đầy đủ, thiết thực vì phần đông dân quê vẫn còn không biết chữ.

*

Theo những quy-tắc ấy, bây giờ chúng ta hãy xét đến những phương kế làm việc ; một điều không nên quên là những phương kế bao giờ cũng phải thích hợp với dân mình.

A) Bắt đầu là những cuộc nói chuyện về một vấn đề dẫn dụ cho một đám đông.

Tuy cũng có ích, nhưng ảnh hưởng của các cuộc nói chuyện ấy không được sâu xa. Người nghe truyện — nhất là người dân quê — trong một khoảng khắc, phải nghe, phải hiểu nhiều điều quá, nên sau cuộc nói chuyện, may lắm họ mới nhớ được một đôi điều.

Vì thế cho nên buổi nói chuyện phải ngắn, nhờ ít dùng đề nói chuyện phải dẫn dụ dễ hiểu.

Và muốn cho người nghe được dự một phần hoạt động, nên để cho họ được hỏi được bề diễn giả.

Nếu được, trong khi nói chuyện nên đem tranh ảnh để giúp cho sự hiểu biết.

B) Chiếu bóng

Chiếu bóng hấp dẫn được nhiều người hơn và cũng hoạt động hơn.

Những người dân quê xem chỉ thấy cái lạ, cái vui mắt. Đề ý đến ý nghĩa thì chẳng mấy người.

Vả lại, với tình thế hiện thời ở xứ ta mà nói đến Chiếu bóng về Vệ Sinh thì không khỏi là một điều hơi viển-vông.

C) Trưng bày tranh ảnh

Tranh ảnh dễ được người dân quê hiểu hơn.

Về một điều gì, nên vẽ hai tấm ảnh trái ngược nhau, bày tỏ sự hại của những người không theo phép vệ-sinh.

Thí dụ :

— Chân dung một đứa trẻ cho ăn uống điều độ và chân dung một đứa trẻ nuôi dầm dãi.

— Quang cảnh một cái giếng bẩn và một cái giếng được giữ gìn sạch sẽ.

— Chân dung một người mặt rỗ mặt dui vì bệnh đậu mùa và chân dung một người làn da mạnh vì đã biết chủng đậu.

D) Biểu diễn

Nói chuyện chưa đủ, bày tranh ảnh chưa đủ phải để họ trông thấy làm, phải biểu diễn về Vệ Sinh.

Về đến một làng, những người đi T.B.V.S. nếu không thuê được, sẽ dựng lên một ngôi nhà nhỏ bé, rẻ tiền nhưng sáng sủa sạch sẽ để làm mẫu.

Ở đây họ sẽ chỉ cho dân quê lọc lấy nước ăn một cách dẫn dụ.

Ở đây họ sẽ dựng một cái chường tiêu gọn ghẽ làm kiểu mẫu cho dân quê.

Họ sẽ mời những người nhà quê đến trông họ tắm rửa săn sóc cho một đứa trẻ con.

Đây là xin kẻ qua loa mặt vài trong những việc có thể làm được để dân quê bắt chước.

Muốn T.B.V.S. ở thôn quê, có một hạng người đứng trung gian mà ta không nên bỏ qua là các cậu học trò ở trường làng hay trường tổng. Nếu cảm hóa được họ thì một đôi khi họ cũng cảm hóa được những người ở trong nhà họ.

Chúng tôi ao ước rằng những giờ dạy Vệ Sinh ở các trường — nhất là ở thôn quê — sẽ gần sự thực hành hơn.

Còn gì nữa mai bằng cảnh một cậu bé mặt mũi bẩn thỉu, đầu tóc bù rối, chân tay lem luốc, miệng nghe ngao đọc một bài về sự sạch sẽ của thân thể !

Có ích hơn biết bao nếu giấy về Vệ Sinh thân thể mà bắt họ thực hành cách kỳ cọ tay chân, đánh răng rửa mặt cho sạch sẽ.

Giảng về Vệ Sinh ăn uống còn gì hơn chỉ cho họ một vài công trình thủ công : thí dụ như đan một cái lồng bàn con bằng lạt, đeo một cái cốc đựng nước bằng tre.

*

Nhưng tất cả những phương kế trên không bằng việc giáo dục dân quê với cách thăm Vệ Sinh tại nhà, một phương kế thiết thực và thích hợp nhất.

Có còn gì hơn là luôn luôn gần gũi với dân chúng để khuyên bảo họ từng điều, chỉ dẫn cho họ từng tí.

Một số người đi T.B.V.S. trong một làng sẽ chia làng ấy ra làm khu vực, nhiều hay ít tùy theo

lớn to hay nhỏ. Mỗi người sẽ đảm nhận lấy một khu vực.

Đầu hết, người T.B.V.S. sẽ nhờ nhà chức trách, dẫn đến một gia đình để cho dân quê khỏi có những điều lo ngại, để họ hiểu rằng người đến T.B.V.S. là một người lương thiện chỉ muốn làm điều hay cho họ.

Nhưng từ lần sau trở đi, người T.B.V.S. nên đến một mình để tránh tất cả những gì có thể là một điều *cưỡng bách*.

Rồi người ấy sẽ *xem xét kỹ càng*, từ chỗ ăn chỗ ngủ, từ cách xếp đặt đồ đạc trong nhà cho đến cách sinh hoạt của cái gia đình ấy. Sẽ phải hỏi han về sức khỏe của từng người trong nhà về những bệnh tật đã mắc phải.

Từ những cái con con, người ấy cũng phải chú ý đến.

Nói tóm lại, người T.B.V.S. hoàn toàn trong công việc ấy, sẽ tự coi mình là một phần tử trong cái gia đình mà mình phải chăm nom, coi những người mà mình đã đảm nhận lấy công việc chỉ bảo như những người thân thích của mình.

Người ấy sẽ hết sức gần gũi với những người trong nhà, cùng họ bàn bạc thân mật về tất cả những gì thuộc về Vệ Sinh và Y-Học thường thức.

Có như thế mới mong kết quả tươi đẹp được.

Những người đảm nhận những công việc ấy trong lúc đầu phải là những người có tính nhẫn nại bền vững, có lòng nhiệt thành chắc chắn mới khỏi thấy công việc của mình là *nhọc nhằn, khó chịu*.

Và lúc nào cũng giữ được nét mặt vui tươi, một điều cần thiết để gọi niềm tin trong lòng những dân quê.

*

Công việc ấy nếu *quá sức cáng đáng* của chúng tôi, chúng tôi rất hy vọng được sự giúp đỡ của các anh em hướng đạo, và rộng ra của tất cả anh em thanh-niên, những người mà máu trong mình đang còn chạy mạnh, những người mà lòng lúc nào cũng sẵn sàng hăng hái muốn nâng cao đời sống của những người chung quanh.

Chúng tôi cũng rất mong được các nhà giáo ở thôn quê giúp sức cho ít nhiều. Vì ở xã hội mình tuy đã có nhiều thay đổi, nhưng cái lòng tôn kính thầy ~~học~~ vẫn còn giữ được. Nhờ đó

của các vị ấy sẽ dễ được dân quê nghe và theo hơn.

*

Ở các thành thị chúng tôi sẽ lần lượt tổ chức nhiều cuộc nói chuyện, nhiều cuộc trưng bày tranh ảnh, một vài cuộc vui cổ ý nghĩa Vệ Sinh.

Mục đích đề :

— gây nên một phong trào thích Vệ Sinh.

— cảm hóa những người mà lòng còn hoài nghi — và *nuôi* trong lòng những anh em đã tin chúng tôi cái ngọn lửa nhiệt thành cần thiết cho một cộng cuộc lâu dài.

*

Chúng tôi hoài vọng rằng một ngày kia, không xa gì lắm, công việc T.B.V.S. và P.T.Y.H. sẽ được lan rộng khắp nước và được tổ chức một cách hoàn bị hơn, và sẽ được coi là cần thiết cho dân gian không thua gì việc giầy cho dân học hay việc dẫn nước vào ruộng cho dân đủ lúa mà ăn.

Sự tốn kém không thể là một điều trở ngại được.

Chỉ đứng về phương diện tiền tài, chỉ lấy óc con buôn ra mà tính, ta có thể nói rằng đồng tiền bỏ vào việc T. B. V. S. đem lại một số lợi mà không một việc kinh doanh nào sánh kịp.

— Chúng ta *bớt* cho dân quê những ngày đau ốm thì họ sẽ đem những ngày ấy ra sản xuất các thức ăn, các dụng cụ hiến chúng ta.

— Chúng ta *giúp cho họ sống* lâu hơn nữa thì lâu hơn nữa họ có thể đem sức lực ra mà lo cho sự giàu mạnh của nước nhà.

Bác sĩ Bùi Chiêu, dựa theo sự tính toán của hai nhà bác học Mỹ, nói rằng sức làm việc kém đi của những người mắc bệnh ho lao ở xứ mình đã làm cho nước nhà thiệt hại đồng niên một số tiền không dưới 80 triệu đồng bạc, đấy là không kể số tiền phí tổn về việc thuốc thang cho họ ở trong các bệnh viện.

Các nhà bác học thí-nghiệm ở bên Mỹ nói rằng, nếu đề phòng chế độ ăn bệnh sốt rét ~~trong~~ thì tốn cho mỗi người 1 đồng bạc Mỹ. Nếu đề tự nhiên

NGUYEN DU...

(Tiếp theo trang 15)

không có giá trị gì, vì nó là «kết tinh của những cái suy nhược tư tưởng cốt lõi Việt-Đông». Là một thể thì nó không có ích, vì nó chỉ bày những gương xấu.

Cái quan niệm ấy của tác giả, nếu tác giả tỏ bày rằng nó là một quan điểm riêng thì không sao, nhưng tác giả lại cho nó đáng điệu của một lẽ phải tuyệt đối để bắt mọi người tin theo thì thực là vô lý. Vì vậy Nguyễn-quân luôn luôn lẫn lộn lý với nghệ thuật, khiến người ta vẫn khen cái luân lý của ông mà phải chê cái lối phê bình của ông. Vì vậy vẫn thường hắt học, mỉa mai, để lộ ra những yêu ghét, mang những tình cảm của tác giả. Vì vậy nên ta lại phải hỏi: Tác giả cuốn *Nguyễn-Du và truyện Kiều* có gác bỏ được hết những tình, cảm riêng trong khi phê bình không?

«Tôi bắt đầu ở chỗ phải bắt đầu, nghĩa là dứt bỏ cái chủ quan của tôi». Lời tuyên bố đồng dạng như vậy, nhưng việc làm thì lại khác.

Đuổi cái chủ quan đi nhưng nó lại lên vào lúc nào không biết. Đuổi tình cảm đi, tình cảm trá hình đuổi ngọn bút. Ta chỉ kể một vài thí dụ: tác giả luôn luôn mặt sát những trạng thái tâm lý mà tác giả ghét (chất vấn Nguyễn-Du về hành trạng của ông ta, mặt sát tâm lý và hành động của Kiều). Cái «tôi» của tác giả có mặt ở một số khá nhiều trang sách. Có lúc cái tôi ấy không thêm trá hình nữa, nó lên diễn đàn nói những tức tối hờn giận của nó: «*Tùy thời! Tùy thời! Đã bao nhiêu kẻ mượn tên tôi làm các tội lỗi, các việc hèn nhát, ích kỷ, tự ái, để hạ! Hỡi ơi! Bao nhiêu kẻ...v...v...v*». Tác giả quên cả có Kiều để thỏa mạ thời nhân (tr. 324). Lối văn lúc có giọng điệu mỉa mai, hắt học, lúc theo đà tình cảm trở lên hăng hái, hùng biện. Nói như vậy không phải chê tác giả không khách quan, mà chỉ là trách tác giả đã nói lớn rằng: «Tôi hết sức khách quan», mà lại không giữ trọn lời hứa.

(Còn nữa)

cho họ mắc bệnh rồi mới chữa thì mỗi người tiêu 1 hì một số tiền là 15 đồng bạc Mỹ về thuốc thang.

*

Đem tiền tài mà trị giá sức, khỏe, đem tiền tài mà trị giá đời sống của con người là một điều không được lịch sự cho lắm.

Nhưng, những con số kê ra tỏ cho ta hay rằng, đứng về phương diện nào mà nói đi nữa, sự T.B.V.S. ở xã hội cũng là một việc cần-thiết.

Người ta bảo ở nước mình có biết bao nhiêu là nguồn lợi thiên nhiên không khai khẩn đến.

Còn nguồn lợi nào quý giá bằng sức khỏe của người dân?

Không chỗ nào hàng chỗ này, ta có thể hô to lên rằng:

Người là vàng mà sức khỏe là tiền bạc.

.A.A

Nguyễn trình Cơ

Lung thông Kho'

(Tiếp theo trang 15)

Lũng thông học trò:

— *Tô a! Tô lắm kia a!*

Lũng thông thầy:

— *Giỏi! Giỏi lắm! Bày giờ 'a đi về, ngày mai lại học.*

Lũng thông học trò: (sắp hàng đứng im)

— *Àc! Đê! Toà!...» Từ bấy giờ đi là*

nước Hồn độn đã được một tụi Lũng thông nậy, nhỏ, tám, men cầm quyền thống trị. Nghĩa là một nền văn hóa mới — văn hóa nước Tản-tư (Scienc) đã xâm lược được cả nước Hồn độn, súng ống không cần dùng, nghị hòa không cần khai hội, đối ngoại chỉ hoàn toàn thụ động theo chủ nghĩa «tự-nhiên — nhi-nhiên» l...

Trích ở tập «Trại phụ tự do đàm»

Những bước đi ngang

(Tiếp theo trang 10)

« Ô hay, anh không biết à? Tôi tưởng Khôi đã nói với anh rồi chứ? »

« Thừa không. Anh ấy có nói gì đâu. Từ khi anh ấy thôi... »

Kiên ngừng ngay lại, cảm thấy đã buột miệng thốt ra một điều gì không nên nói. Về ngực nhiên tăng thêm trong mắt người đàn bà, đợi chàng nói nốt. Kiên lúng túng:

« Thế ra anh ấy không nói gì với chị? »

« Không, nhà tôi đã nói gì đâu. Anh bảo thôi cái gì? »

Kiên chợt hiểu là Minh không biết Khôi bỏ việc. Chắc anh đang giấu vợ. Vì lẽ gì, để làm gì, Kiên không kịp xét đến, chỉ biết rằng đã chót lỡ nhời. Chàng định rút lui:

« Không, thôi gì đâu. Hôm nay tôi được ngày nghỉ bất thường, trông anh Khôi cũng được nghỉ như tôi. »

Vợ Khôi từng đã gọi tình nghi ngờ của người đàn bà Minh thấy có điều gì Kiên biết, mà Khôi đã giấu nàng. Nàng bảo Kiên:

« Mời anh vào chơi soi nước đã. »

Nhìn Kiên đứng xe vào thềm nhà Minh tiếp:

« Anh có cái xe đẹp nhỉ. Anh mua bao nhiêu thế? »

Kiên vợ ngay lấy cơ hội lấp liếm chuyện nói lỡ:

« Đã đẹp sao bằng xe của anh Khôi. »

Minh chớp miệng:

« Thế mà mất rồi đấy, anh ạ. Hoại của. »

Kiên cười:

« Chị chỉ nói đùa, mãi ở đâu mà mất. Còn ai lấy được xe của anh ấy. »

« Thật mà. Nhà tôi bảo vào nhà giấy thép mua tem, xe dựng ngoài hè kẻ tay mất mà. »

« Thế mất tự bao giờ? »

Minh nhớ lại:

« Đã lâu rồi, từ cuối tháng trước. »

« Thế sao mà hôm nay anh ấy bảo... »

Kiên lại ngừng. Chàng thấy những chuyện quanh quẩn, đối trá chung quanh Khôi, trông gia đình bạn. Khôi đã giấu vợ, giấu chàng những việc đã xảy ra. Đỡ chén nước của Minh đưa, Kiên nghĩ tìm ý nghĩa của những câu chuyện ấy. Đáng diệu hôm vừa rồi, những câu trả lời giống một, về mặt nguội như tro của bạn đã làm Kiên đề ý đoán có chuyện bất thường. Hôm nay chàng muốn gặp Khôi cho biết rõ. Buổi sáng tìm không thấy bạn trong thư viện Kiên đã về tìm ở đây để lại thấy chuyện thêm luẩn quẩn. Khôi đã không cho vợ biết tin đã bỏ việc, nói dối mất xe, đồ làm gì? Minh nhắc:

« Mời anh soi nước kéo nguội. Anh tìm nhà tôi có việc gì không? » Kiên vội đáp:

« Cũng không có việc gì. Thường chiều mấy giờ thì anh Khôi về? »

A. Đạp này không có xe, nhà tôi phải đi chân, nên nhiều hôm khuya lắm mới về đến nhà. Có hôm ở luôn ngoài ấy, lại hay bỏ cơm nhà. Chẳng hiểu ăn uống ở đâu, mà chiều hôm thứ ba vừa rồi, say ke bét. Nhà tôi có hay say như thế đâu. »

Được dịp kể lể với bạn thân chồng, và đã quen biết nằng từ trước, Minh tiếp:

« Nhà tôi dạo này làm sao ấy, anh ạ. Hơi một tý là gất, chẳng biết đằng nào mà chiều cho vừa lòng. Thật y như trẻ con. Giá đàn bà chúng tôi có thế, thì đã bảo là có tính đồng bóng. »

Thứ ba, chính là hôm chàng định mời Khôi đi ăn mà Khôi từ chối. Theo lời Minh, chàng dần dần hiểu được cái giằng liên lạc, đầu đuôi các chuyện. Minh vẫn tiếp:

« Nhà tôi lại càng ngày càng học báo đi, trông như người mới ốm dậy. Nhà tôi đồ tại ăn uống thất thường. Nhưng trước kia vẫn ăn bữa trưa ngoài tỉnh, bữa tối ở nhà, thì có sao đâu? »

« Kiên đã hiểu. Phải, vì ăn uống thất thường và vì nhiều cơ khác Minh không biết. Chàng hỏi Minh:

« Thế anh ấy bảo chị là vẫn đi làm à? »

« Phải, nhá tôi vẫn đi làm. Thế sao, anh? »

Minh nhớ người ra phía trước, đợi câu trả lời. Trông về mặt bàn khoản, hoảng hốt, Kiên thấy ái ngại. Chàng lại nhận thấy Minh đã đẹp thêm lên, khác hẳn với cô con gái nhà trọ học khi xưa. Má thêm tròn, thân thể có một vẻ đầy đặn trưởng giả, không kịp đắn đo, Kiên đáp:

« Anh ấy đã mất việc rồi mà. Thế không nói gì với chị sao? »

(Còn nữa)

TƯ TƯỞNG XÃ HỘI HỌC HIỆN ĐẠI

(Tiếp theo trang 8)

thuyết mắc bệnh», như là lời giáo sư Pétrajitzski đã nói kể cũng không sai. Đọc quyển sách này thì nhận thấy thế ngay.

Những lý thuyết ấy cũng là loại « cổ giai » cần phải nhổ cho tới rễ.

Chỉ chích nghiêm khắc như thế, không phải là có ý bài bác xã hội học mà bảo rằng trong vườn khoa học này chỉ có cổ giai với hoa hoang mà thôi đâu! Không! Trong mỗi một khu vườn này, hiện đã có nhiều cây tốt và nhiều hoa đẹp đầy « hứa hẹn ». Nói là đầy « hứa hẹn » là vì hiện nay những hoa ấy còn bị cổ giai hoa hoang bao phủ, và cần phải nhổ cắt những thứ cản trở ấy đi, rồi về sau này nhà làm vườn khoa học sẽ mãn nguyện được thấy cây tốt mọc lên. Nói như thế không phải là bảo rằng xã hội học chỉ mới cổ hi vọng thành một khoa học, vì chính bây giờ nó đã thành một khoa học rồi, miễn là nhà học giả biết đề đặt theo phạm vi đã kể trên kia. Muốn cho phạm vi ấy càng ngày càng rộng, ta cần phải tránh những sự nhầm lẫn đã nói trên. Đó là nhiệm vụ của những thế hệ học giả hậu tiến.

Chút ít tài liệu về tiểu sử tác giả «Thu dạ lục hồi ngâm» ÔNG DINH NHẬT THẬN

(1815 - 1866)

NGUYỄN TÀI CHẤT

Ông Đinh-nhật-Thận, tự là Tử-Úy, hiệu Bạch-mao-am, sinh năm Ất-hợi (1815) (1) tại xã Thanh-liêu (2) huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-an, trên bờ sông Lam. Cụ thân ra ông sinh hạ được sáu trai. Ông là thứ hai. Bà thân là ng rời bần giáo.

Ông thụ giáo với cụ Cống Thọ-Nhạc (?) ở làng Đồng-Loan (cùng huyện Thanh-Chương) và sau với cụ Trục-học-sĩ Nguyễn-hữu-Tổ là một bậc danh-sư lúc bấy giờ.

Lúc đi học ông đã nổi tiếng là thông minh. Năm 20 tuổi đậu tú-tài.

Khoa sau, ông lại mang lễu chiếu đi thi, khoa ấy là khoa Đinh-dậu (1837). Ở trường Nghệ chánh-chủ-khảo là Lâm-duy-Nghĩa, tính vốn khắc-nghiệt và không thích học-trò Nghệ. Đáng lẽ mỗi khoa lấy 22 cử-nhân mà năm ấy chỉ đậu có năm người,

Đinh-nhật-Thận cũng chịu phận hồng thi mà về. Các quyền độ về kinh-dò, Vua phán « Đất Nghệ xưa nay nhiều nhân-tài, sao năm nay đậu ít quá. Vậy cho phép các tú-tài cũng được vào thi hội. »

Khoa hội nhằm vào năm Mậu-tuất (1838) tức

(1) Đây là căn cứ vào bài vị thờ ông,

Trong quyển « Quốc-triều khoa bảng lục » của Cao-xuân-Dục chép ông sinh năm Giáp-tuất (1814).

Trong quyển « Trong 99 chớp núi » (Tân-Việt xuất bản) chép ông sinh năm giáp tuất có lẽ cũng là căn cứ vào quyển « Quốc triều khoa bảng lục ».

Tưởng nên theo bài vị mấy đúng.

(2) Thanh liêu chứ không phải Thanh-liêm như trong quyển « Trong 99 chớp núi » đã chép.

là năm Minh-Mạng thứ 19; Đinh-nhật-Thận đậu Hội rồi vào thi Đinh-dậu đầu trong hàng tiến-sĩ và lại là người trẻ tuổi nhất trong hạn đồng khoa. (1)

Đậu xong, ông còn ở kinh để chào các quan. Có người muốn thử tài ông, đố ông thọc thọc một quyển lục điền. Ông không ngần ngại đem sách về và đến mai đọc suốt cho họ nghe (1) vì

(1) Khố mậu tuất, cộng chính phổ bảng cả thầy đậu được 20 người :

TUQL

Hoàng giáp : (1) Nguyễn Cửu Trường (Thanh-hóa) 32

2) Phạm văn Nghị (Nam-dịnh) 34

Tiến sĩ : (1) Đinh nhật Thận (Nghệ-an) 24

(2) Phạm Chân (Quảng-bình) 35

(3) Nguyễn văn Tùng (Hà-nội) 27

(4) Lê duy Trung (Hà-nội) 44

(5) Trần tiến Thành (Thừa-thiên)

sau này làm Phụ Chánh 26

(6) Hoàng trọng (Thị-a-thiên) 20

(7) Lê thiên Trị (Thị-a-thiên) 43

(8) Doãn Khuê (Nam-dịnh) 26

Phó bảng : (1) Nguyễn trường Vinh (Quảng-lâm) 40

(2) Nguyễn kim Vực (Quảng-bình) 34

(3) Dương công Bình (Hanoi) 25

(4) Nguyễn hữu Độ (Thanh-hóa)

sau này cũng làm thượng thư,

triều Đồng khánh 26

(5) Lê thúc (Bình-dịnh) 35

(6) Diệp xuân Huyền (Hà-nội) 37

(7) Nguyễn văn Hào (Quảng-nam) 32

(8) Phan quang Nhiêu (Hà-tĩnh) 37

(9) Nguyễn văn Siêu (Hà-nội)

hiệu là Phương dinh 43

(10) Nguyễn xuân Bổng (Quảng-trị) 27

21

những việc như thế, nên nhiều người biết tài của ông ; và nhờ ở tài lỗi lạc của ông mà ông kết giao với những bậc danh sĩ bấy giờ.

Nước ta về đời Gia-long, Minh-mệnh, cuộc binh định vừa xong, cho nên dân tình còn mẩn tiếc nhà Lê. Đến đời Thiệu-trị, Tự-đức mới thật là lúc thịnh trị thái-bình : chốn kinh đô mới là nơi họp mặt anh tài ba xứ. Trong triều lúc ấy có hai thi phái : một bên là Thi xã có các ngài Tùng-thiện, Tuy-lý, (1) : ông Trương-đăng-Quế, Nguyễn-đăng-Giai văn vật là phái được triều đình vi nề. Nhưng chưa chắc đã được sĩ phu yêu mến, phục bằng phái thứ hai của các ông Cao-bá-Quát, Nguyễn-ýn-Siêu, Nguyễn-hàm-Ninh, Đinh-nhật-Thật. Có lẽ cũng vì thế mà tình thân ái giữa mấy ông sau này càng thêm khăng-khít cho nên trong mấy lâu họp mặt ở kinh, cùng nhau ngâm ca xướng họa, họ đã sống những ngày vô cùng thỏa thích. Sau này đầu Đinh-nhật-Thật có vì bạn mà bị vạ lây, chắc ông cũng nhớ thời giao du buổi trước mà không hề oán giận kẻ tri kỷ lắm đường.

Cách ít lâu, ông được bổ làm quan. Nhưng tính ông cương trực, không chịu vòng cương tỏa, Ông làm tri phủ chưa mấy chốc, đã can nghị phải về.

Đến năm 1843, niên hiệu Thiệu-trị tam-niên (2) ông lại được phục chức.

Nhưng, khi sắp ra nhậm chức mới, ông cáo bệnh ở nhà. Từ đó, ông nhất định từ giã quan trường, quyết về quê vui hưởng điền viên lạc thú.

*

Ông lập một cái ấp gọi là ấp Gia-hội ở giữa làng Thanh-liêu và làng Tiên-hội. Ấp Gia-hội trước mặt có sông Lam, sau lưng có dãy núi, phong cảnh cực kỳ xinh đẹp. Ông mộ dân lập trại làm cho một khoảng đất hoang trở nên một xóm trù mật.

Ngày ngày, ông dạy học trò, ông xem sách, nhất là sách thuốc. Và thời bấy giờ ông nổi tiếng là một danh y trong vùng, cứu được rất nhiều người và chữa được nhiều bệnh rất thần tình.

Lúc thanh nhàn, ông lại cưỡi ngựa đi chơi. Khi thấy bóng một người tóc bỏ ngang vai, khăn

nhều vấn cổ, cưỡi con ngựa bạch, là người trong vùng biết ngay quan nghè Đình.

Có khi ông ra Bắc vào nhà quan Án · Siêu ; hay vào Kinh, tìm ông Ninh để cùng họ ngâm vịnh.

Và thường một mình đi xem những nơi phong cảnh đẹp. Có lần ông đi qua đền Càn ở phía bắc tỉnh Nghệ-an là đền thờ một bà Hoàng hậu và hai công chúa đời nhà Tống bên Tàu, lạc sang nước Nam khi nhà Tống mất nước. Đền ấy vào hàng thiêng nhất ở vùng Nghệ-tĩnh. Ông liếc thấy cầu đối ngoài cột vôi :

Biện kinh nhất nhật thiên vô Tống,

Càn hải thiên niên việt hữu thần.

nghĩa là :

Kinh Biện một ngày trời mất (nhà) Tống

Biển càn nghìn năm (nước) Việt có thần,

Cầu đối chơi nhau từng chữ, ai cũng cho hay. Thế mà ông cười, chê dứt rồi lại lấy đá đập chữ đi, chê rằng :

« Nhà Tống bắt đầu đóng đô ở đất Biện, rồi dời sang đất Quảng, đất Mãn, đất Hàng. Khi dời đến đất Hàng mới mất nước và bà Hoàng-hậu mới lạc sang nước ta. Vậy về đầu của đôi câu « đối là sai.

« Vả lại « nhất nhật » mà đối với « thiên niên » « thì dư và lại non ».

Ông thay bằng hai câu :

Địa khi bắc nhi nam, Biện Quảng Mãn
Hàng quốc mạch.

Thanh linh kim tự cổ, Cao Tào Hưởng
Mạnh gia phong.

Câu này rất rõ nghĩa. Cao Tào Hưởng Mạnh là 4 họ hay phát Hoàng-hậu ở bên Tàu.

Tuy đã « ngoài vòng cương tỏa » mà vẫn không được yên thân.

Năm Tự-đức thứ 7, (1854), giặc Châu-chấu nổi lên ở Bắc-kỳ. Người bạn ông là Cao-bá-Quát lại làm quan sư cho giặc. Họ Cao, chẳng bao lâu, bị bắt. Nhưng triều-đình vẫn nghi ngờ người bạn của kẻ nghịch.

Một hôm, Đinh-nhật-Thật bỗng bị bắt. Giải xuống tỉnh, họ mới cho xem chứng có ông làm phản. Thì ra, bức thư ông viết cho một người bạn ở bên kia sông mới sang đánh tổ tôm và mượn cỗ bài luật (bàn cờ) bị binh lệ bắt được :

(1) Chuyện này chép trong « Quốc triều khoa bảng lục » của Cao-xuân-Dục.

(1) Ông đồ Tỉnh nói ngài được phục chức đúng năm Thiệu-trị tam niên, không biết có đúng không.

**Tứ tướng dĩ cụ,
Chỉ kiếm nhất viên,
Tương bách nhị binh,
Độ hà kịch chiến (1)**

nghĩa là :

« Bốn tướng đã sẵn,
« Chỉ thiếu một người.
« Đem quân trăm hai.
« Sang sông kịch chiến.

Đầu ông có phân trần, họ cũng cứ giải ông vào kinh hồi tội.

Trong khi ông còn bị giam cầm, bỗng thấy các quan rước ông ra, mời ông uống rượu, ông không hiểu vì sao, nhưng vẫn điềm nhiên cạn cốc.

Thì ra vua bắt đình thần vịnh một bức chạm « long ẩn long âm ». Các quan đệ lên gần 50 câu mà đều bị vua chê cả. Có người nhờ tài mẫn tiếp của Đình-nhật-Thận liền bị tù, vội mời ông nghĩ giùm. Ông đọc ngay :

« Đại Thuấn thâm sơn nhật
« Gia cát thảo lư thần.

Đệ lên ngự lãm, vua Dực-tôn tỏ ý rất phục tài. Vịnh « Long ẩn long âm » mà nói :

— Đức đại Thuấn lúc ở chốn rừng sâu
— Ông Gia Cát buổi nấu nơi thao dã

thì thật đã lột được hết tinh thần.

Về sau, ông lại chữa lành bà cụ thân một vị đại thần nhờ ông tinh ý học.

Vì thế mà chẳng bao lâu ông được khỏi tù. Nhưng vẫn còn bị giữ lại ở kinh, chưa cho về nguyên quán.

Bài « Thu dạ lữ-hoài ngâm » chính làm ra trong lúc ông bị « giam lỏng » ở kinh đô. Cái buồn của kẻ xa nhà đã khiến ông viết được nhiều câu tuyệt bút. Trong lúc bị giam lỏng ở Huế, trước cái vẻ đẹp nhẹ nhàng của chốn Bình sơn Hương thủy, lòng ông lại lắng tình cố quận gia hương. Ông mới làm bài Thu dạ lữ hoải đề tiêu sầu giải muộn mà

(1) Trong « 99 chớp núi », ông Đầu-tiếp chép hơi khác :

— Tứ tướng dĩ cụ,
— Chỉ kiếm nhất viên,
— Tương như bách nhị thập tinh binh, độ hà kịch chiến.

có lẽ cũng có ý làm động lòng trắc ẩn đối mình quân (1).

Ông được thả về quê năm nào không rõ. Và từ đây thoát hẳn được ách công danh.

Ông mất năm Bình dậu (1866), niên hiệu Tự đức thứ 19, vào ngày 18 tháng 6 đúng vào giờ ỵ (2), thọ 52 tuổi.

Sau khi ông mất, gia quyến bỏ ấp Gia hội, xuống ngụ ở làng Thượng thọ, xã Trung lâm tổng Võ liệt huyện Thanh chương.

Ông sinh hạ được một trai tên là Đình nhật. Điềm tục gọi là Cậu cả Vịnh, tính thẳng thích, không theo khuôn sáo, giỏi đàn.

Cậu cả Vịnh sinh hạ được 2 trai ;

Đình nhật Tinh, nhất sớm và Đình nhật Tinh tức là Đồ Tinh — ông Đồ Tinh hiện nay gần 70 tuổi sinh hạ được hai trai : người lớn làm ruộng, còn người nhỏ còn học chữ Hán.

Cảnh nhà ông Đồ Tinh hiện thời thanh bạch lắm : một cái nhà tranh nhỏ bé vào hạng nghèo nhất trong vùng, chia làm hai gian : một gian làm nhà ở một gian để thờ Cụ Nghè Đình nhật Thận. Bàn thờ là một cái án đã mục, một cái màn đã rách. Đề nhắc lại thời xưa, chỉ còn một cái biển đề « án tứ vinh quy ».

Hiện nay mộ ông Đình nhật Thận ở Rú Cối thuộc xã Đức nhuan. Nhà thờ ông ở làng Thượng thọ xã Trung lâm và đền thờ ông ở ấp Gia hội xã Thanh liêu cũng đều thuộc huyện Thanh chương, trên hữu ngạn sông Lấp.

*

Trong các bậc tài-học đất Lam gi: ng, ông Đình nhật Thận có lẽ là lỗi lạc hơn cả,

Ông là tiêu biểu cho cái tính thẳng thích phóng túng của người Nghệ Tĩnh, những người vẫn được tiếng là trọng khoa mà khinh hoạn.

NGUYỄN TÀI CHẤT

(1) Ai muốn biết rõ Thu dạ lữ hoải ngâm, xin xem sách « Trong 99 chớp núi » của Đầu tiếp Nguyễn văn Đề, trong có

— bản Hán văn

→ bản dịch cổ

— bản dịch của Đầu tiếp

Cách đây mấy năm, ông Bùl-văn-Lặng ở Qui nhơn đã dịch ra chữ tây.

(2) Căn cứ vào bài vị của ông.

Trong quyển « Trong 99 chớp núi » chép ông sống tại ải Lết-quan là sai.

Viec quoc te

TỪ 4 ĐẾN 11 MARS

Mặt trận Thái-bình-dương

— Trên những quần đảo và đảo Nouvelle Guinée, Nouvelle Irlande, Bismack, Marshall, quân đôi bên vẫn kịch chiến.

— Trên biên giới Ấn-độ — Diến-điện, hiện hay những cuộc xung đột dữ dội xảy ra ở ngọn núi Arakan và thung lũng Hukwang, ở đó quân đội Nhật chiến đấu cả với mấy lộ quân của Trung-khánh mới tổ chức và đưa sang Phi cơ Anh Mỹ lại hoạt động trên hải cảng Rangoon của Diến-điện.

*

Mặt trận Ý

— Vì giới xấu không có sự thay đổi quan trọng Sau 7 tuần lễ đổ bộ lên phía Nam thành Rome quân Đồng-minh vẫn chưa tới được kết quả gì.

— Có tin Mỹ giao cho Nga một phần hạm đội của Ý về hàng khi trước.

*

Mặt trận Nga

— Trên phía Bắc, trận thế không thay đổi mấy. Hồng-quân đã tới ngoại châu thành Pskov. Vùng Narva quân Đức phản công có phần thắng lợi.

— Ở phía Nam khu Zvenigorodka và khu Krivoirog, quân đôi bên liên tiếp tấn công và phản công dữ dội, nhưng vẫn chưa có sự thay đổi đáng chú ý.

— Nhưng vùng Ukraine, phía Tây và Tây Nam, trên đất Ba-lan cũ, cuộc sung đột im lìm trong ít lâu, nay bỗng bùng dậy dữ dội vô cùng. Nga chuyển cả lực lượng ở khu Trung-trong xuống hình như cố làm nên chuyện ở vùng này trước khi tuyết tan ở mặt trận. Một chứng cớ là viên tướng đang chỉ huy Hồng-quân ở đây, bị gọi về để chỗ cho một tướng khác. Tất cả có tới 35 sư đoàn Nga giàn trên một chiến tuyến dài tới

180 cây số, trong khoảng hình bốn góc Rowno — Berdichev — Vinnitsa — Lwow. Trên đường xe lửa Rowno — Berdichev, trung tâm cuộc sung đột là Shepetovka, ở đây Hồng-quân đã hạ thây thành Zastay. Phía Đông-Nam, trên đường xe lửa Lwow — Vinnitsa, trung tâm cuộc kháng chiến ở Volochisk — Tarnopol. Hồng-quân hiện nay đã tới sát thành Tarnopol.

*

Trên trường ngoại giao, có tin Anh Mỹ đã định việc gửi chiến cụ cho Thổ, đó cũng là phương sách uy hiếp để Thổ bỏ cái thái độ kháng kháng trung-lập hồng lợi dụng cả hai bên?

D. D. D.

SẮP CÓ BÁN

NGUYỄN CÔNG TRÚ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

— Nguyễn công Trú và đẳng cấp sĩ phiệt quan hệ với nhau thế nào?

— Cối rế xã hội của tư tưởng và tâm lý Nguyễn công Trú,

— Quan niệm hành lạc của Nguyễn công Trú có mâu thuẫn với chí nam nhi của ông không?

ĐÃ CÓ BÁN

KINH TẾ HỌC

phổ thông

Của NGUYỄN HẢI AU

giá 3\$50

HAN THUYỀN

71, Tiên-Tsin — HÀ NỘI

Những hoạt động XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN

Từ 1933 đến nay, trải qua mười lớp thành niên, sinh-viên trường Đại-học Đồng-Đương đã gây hẳn một phong-trào, tuy có đổi thay trong cách phát-triển năng lực, theo cuộc tiến hóa chung, nhưng trước sau vẫn giữ một tinh-thần duy nhất, tinh thần thanh niên: Hoạt động và hăng hái không điều kiện.

Người ta chỉ bắt đầu thấy một đời sống sinh viên khi trường Đại-học đã rứt bỏ cái cộng dụng hẹp hòi là nặn đúc một số công-chức trong các ngành hành chính sang trọng. Cho đến hồi đó những người theo học những lớp cao đẳng không phải là sinh viên sống một đời sống đặc biệt mà là những quan Đốc, quan Tham, quan Giáo, quan Huyện vị lai, tuy còn đặng học nhưng đã rập đúng ngôn ngữ, cử chỉ vào những khuôn khổ hợp với địa vị, chức nghiệp sẽ chắc chắn dành riêng cho họ. Chồng lại với cái óc nghèo nàn ấy, cái óc vụ lợi vị kỷ và sớm đông vào khuôn, giải phóng tinh-thần thanh-niên thoát cái vòng nô-lệ tinh-thần, tự gây cho tâm hồn một đời sống phong phú, một đời sống hoàn toàn trẻ, khác với đời sống học trò chỉ biết cặm cụi vào sách vở, khác với đời sống đông vào khuôn khổ của những người phải gánh vác việc gia đình và xã hội, đó là cố gắng đã thành công của những lớp sinh viên từ 1933 đến trước hồi chiến tranh hiện thời. Tổng hội sinh viên lập nên, có chức vụ gìn giữ và làm rời rạc thêm mãi cái nguồn sinh lực đã được khai thông.

Đã không rập vào những khuôn khổ chật hẹp, sinh lực ấy từ hồi chiến tranh, tất nhiên đã phát triển khác xưa theo luật tiến hóa của tất cả những cái gì sống. Trong ba năm nay, người ta vui vẻ nhận

thấy sự hoạt động và lòng hăng hái của sinh viên rồn vào các công việc xã hội và quốc gia. Trong các buổi diễn thuyết, các ngày hội, các trại nghỉ hè, trong khi học tập ở bệnh viện, sinh viên đã hăng tỏ lòng tha thiết đối với đồng bào bằng những hành động có ý nghĩa của những người phụng sự một hoài bão (1).

Một công cuộc xã-hội của anh em sinh viên đáng cho ta chú ý nhất vì có tổ chức, có chương trình và đã thực hành tại đối-phái kết quả là công cuộc Truyền Bá Vệ-Sinh và Tân y học.

Sau nửa năm giới hoạt động ở làng Khương Hạ (đại-lý Hoàn-Long) ban T. B. V. S. và T. Y. H. của Tổng-hội sinh-viên đã tổ chức hai ngày trưng bày những tranh ảnh về việc gìn giữ sức khỏe và phòng bị bệnh tật, ở nơi đó vào ngày thứ bảy 4 Mars và chủ nhật 5 Mars vừa rồi.

Trong một gian phòng ấm cúng, một học của trường làng, tôi đã ngắm những bức ảnh và những bức tranh do sinh-viên vẽ tay nó đã đập mạnh vào não căn người xem: d tỵ là một ống chân loét hẳn một vùng vì bệnh giang mai với những màu máu mủ «gớm ghê», kia là ảnh một cậu bé một mắt sưng lên, to bằng quả trứng vịt, vì người ta đã đắp thít một con ếch lên để phụng sự săn săn có trong thịt ếch phá hoại con người của kẻ có bệnh. Trên những bức giải rạc những tờ truyền đơn có những hình vẽ và nhờ chủ thích, phở thông vài kiến thức mới về cách giữ gìn sức khỏe và phòng các bệnh

(1) T. N. sẽ đăng bản tường trình về những hoạt động xã-hội của sinh viên, do ông Hoàng Đức Hiền hội trưởng T. H. S. V. viết giúp.

Các lớp học bình dân...

(Tiếp theo trang 8)

Ta cho họ nhìn con cái ghẻ bằng kính hiển vi. Rồi bằng tranh vẽ hình con vi trùng ấy, ta chỉ rõ những chân lý tự nhiên rất nhiều của nó, đâm vào da thịt, và làm ngứa ngáy, ta giảng cách sinh hoạt của nó trong các « hầm hố » đục ở trong da người, sự lây bệnh vì quần áo và cách chữa bằng sự sạch sẽ.

Rồi bằng kính hiển vi ta cho họ mắt trông thấy vi trùng bám trên miếng thịt, trên miếng giấy, trên lá rau, trong nước múc ở giếng, ở ao, trong rổ mắt, trong máu, trong nước dãi những người có bệnh.

Ta cho họ xem vi trùng của những bệnh nguy hiểm hơn bệnh ghẻ : thương hàn, tả, lỵ, sốt rét, ho lao, đậu mùa, v. v. nếu xem được bằng kính thì nay nếu không thì bằng tranh, ảnh.

Sau đó ta giảng rằng hầu hết các bệnh tật đều do vi trùng gây nên và cách phòng bệnh công hiệu nhất là phải tránh vi trùng, là phải sạch sẽ, hết sức sạch sẽ.

Chỉ khi nào người nghe đã tin chắc là có vi trùng ở khắp mọi nơi, trên khắp mọi vật, tin chắc rằng bệnh tật là do vi trùng gây ra rồi, tin chắc rằng sạch sẽ thì tránh được nhiều bệnh, lúc đó ta mới giảng đến những cách giữ gìn vệ sinh (ăn uống, nhà, cửa, v. v.).

Có người sẽ hỏi việc gì phải kỳ khu như thế. Khi xưa bọn mình (bọn trí thức) đã có mấy người được soi kính hiển vi để nhìn vi trùng mà sao mình cũng lờ quên được thói sạch sẽ. Nhưng ta nên biết là bọn mình đã được học từ bé, mà đối với trẻ con phương pháp giáo khoa có thể là phương pháp độc đoán (méthode dogmatique) nghĩa là lối « nhồi sọ ». Chứ, đối với người nhớn, nhất là bọn người đã sẵn những tập quán trong phản ứng với kiến thức mới thì phương pháp duy phải là phương pháp khuyến dụ (méthode persuasion) nghĩa là phải giảng giải

đau mắt, sốt rét, giang mai v. v. Trước một cái bành, một sinh viên đang chỉ và giảng cho người xem cái buồng gan ngâm trong một cái lọ bị sản đặc vì những con trùng này lẫn trong thịt con cá ngâm trong một lọ khác, mà người ta thường dùng để ăn gỏi sống một cách ngon lành !

Ở gian bên là phòng khám bệnh của sinh viên mở cho dân làng trong cả thời kỳ cấm trại năm ngoái và sau đó chỉ vài ngày trong một tuần lễ. Một bảng yết trên tường cho khách xem biết kết quả : trong vòng nửa năm đã khám và cho thuốc hơn hai nghìn người

phải diện bạch, phải chứng minh để chiếm đoạt lòng tin phục của người.

Trong phần dạy cách sống vệ sinh, ta chỉ nên chuyên vào một vài điều quan trọng và đặc biệt đối với nơi mở lớp học như tắm uống nước lã, làm lại chuồng tiêu, nằm màn, (vì chẳng hạn nơi đó có bệnh sốt rét). Mấy điều ấy phải được giảng rất cặn kẽ bằng nhò, bằng tranh ảnh, bằng sự quan sát, bằng những thí nghiệm có thể làm được.

Thế cũng chưa đủ. Muốn cho những bài giảng có hiệu quả, muốn cho những nhời khuyên bảo được thực hành, chín mười buổi học không có nghĩa lý gì cả. Cần phải bao nhiêu công phu khác nữa. Cần phải luôn luôn thúc dục, luôn luôn kiểm sát. Phải những buổi đến thăm thân mật tận nhà mỗi người. Cần phải huấn luyện đặc biệt một số phần tử sáng suốt để họ cổ động, để họ làm gương cho người khác. Cần phải chăm nom giúp đỡ họ trong sự thực hành những điều khuyên bảo bằng cách khám bệnh cho thuốc, cấp giấy đi nhà thương v. v. Việc sau này phải thưa dần rồi sẽ bỏ hẳn vì trái với phương pháp truyền bá vệ sinh : lúc đầu thì cần vì nó là mồi dử bọn người chưa đủ giác ngộ.

Tất cả những công phu ấy phải có tổ chức, có chương trình. Thực là khó khăn vô cùng nếu chỉ trông vào sức một nhóm người, cho dầu người ta chỉ hoạt động trong một phạm vi rất nhỏ hẹp. Tôi sẽ có dịp nói đến một tổ chức vững chãi và có hiệu quả, đó là công cuộc Truyền bá vệ sinh ở Ấn Độ Hòa-Lan. Trong đó ta sẽ thấy phương pháp quan trọng nhất là sự đi thăm và nói chuyện thân mật ở từng nhà (visite à domicile) giao cho các nam nữ huấn lệnh viên (visiteurs et visiteuses d'hygiène).

(còn nữa)

Vũ-dình-Hòa

và cấp giấy cho hơn 900 người đi nhà thương.

Tôi ra về, cảm động và sung sướng vì những cố gắng, những hi-sinh về tiền và công, nhất là về công của anh em sinh viên. Duy một điều tâm tôi suy nghĩ, là cái hiệu-lực của những phương pháp mà sinh viên đã dùng để truyền bá khoa vệ sinh. Tôi đã nhận thấy trong số người đến xem tranh ảnh, ngoài bọn trí thức ở ngoài tỉnh về, chính dân làng chỉ loáng thoáng vài ba người đờng tuổi còn số đông là trẻ con, kéo đến lạ vì mặt !

Tôi nghĩ :

1) Những truyền đơn không có công hiệu gì đối với phái bình dân mà phần đông là không biết đọc, nhất dân quê.

2) Những tranh ảnh bày trong một gian phòng không thể hấp dẫn được bọn người xuất ngũ làm ăn vất vả và rất lười đạm nếu không hoà nghi với tất cả những cái « tân thời »

3) Sự khám bệnh, cho thuốc là một việc có tính cách y tế hơn là truyền bá vệ sinh. Có khi nó cản công việc sau. Nó chỉ nên coi là cái mồi để dẫn người đến nghe những điều khuyên bảo vệ sinh. Nó không thể là phần chính trong chương trình hành động (1).

4) Phương pháp quan trọng nhất cũng như ở Ấn-Độ — Hòa Lan người ta đã dùng có hiệu quả cần phải là những buổi đến thăm tận nhà (Visites à domicile) có tổ chức và giao phó cho những nhân viên có huấn luyện (les Visiteurs d'hygiène) (2).

Tôi đã gặp ông bạn Dương đức Hiền, hội trưởng Tổng hội sinh viên, và đã nghe những cảm tưởng trên một cách chân thực. Cũng rất chân thực, ông công nhận những hành động của ban T. B. V. S. chỉ mới có cái kết quả là gây được cảm tình của dân quê ở một vài nơi đối với anh em sinh viên (lời đồng ý vì có dịp nhận thấy điều ấy khi đi thăm các trại sinh viên). «Còn gây được vài thói quen về khoa Vệ sinh cho họ, thì, — lời ông nói — chưa có gì cả.» Ông cho biết thêm là ban T. B. V. S. đang dự định tổ chức trong mỗi trại sinh viên gần tới đây những buổi đi thăm và nói chuyện Vệ-Sinh ít ra là cho từng xóm, nghĩa là cho vài ba nhà họp lại. Ban T. B. V. S. cũng dự định cả việc huấn luyện, về khoa truyền bá vệ sinh, những người giúp việc chọn trong các thanh niên có tâm huyết là người làng và ở trong làng, để có thể giao cho họ công việc khuyên bảo những người xung quanh họ.

Tôi rất mừng được nghe tin ấy và mong-mỏi sự thực hành.

VŨ ĐÌNH HÒE

1. 2. xem chương trình dạy khoa vệ sinh trong các lớp cao đẳng bình dân đang ở trang 5 kỳ này.

THỜI ĐẠI XUẤT BẢN CỤC

Xuất bản những sách có tính cách giáo dục
= và có giá trị đặc biệt về văn chương =
TỔNG PHÁT HÀNH SÁCH VÀ BÁO CHÍ
= 214, Hàng Bông — HANOI =

ĐÃ CÓ BẢN

VANG BÔNG MỘT THỜI

Văn phẩm đặc sắc nhất của NGUYỄN-TUÂN
Ấn bản nhất định — Sách in hai màu
Hai tranh phụ bản của NGUYỄN-ĐO-CUNG

Giá bán :

- Loại thường.. .. 5\$00
- Loại dó lựa.. .. 20,00
- Loại verge !.. .. 30,00

ĐÃ XUẤT BẢN :

TRAI NƯỚC NAM LÀM GI

của HOÀNG-ĐẠO-THUYẾT.. .. (hết)

TRUYỆN CỎ NƯỚC NAM

của Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC (hết)

BỐN BẢN CHÈO CỎ của nhạc sĩ

NGUYỄN XUÂN KHOAT.. .. (mỗi bản 0\$20)

SẼ XUẤT BẢN :

HƠI THỞ TAN (Nguyễn Hồng)

CỎ HỌC TINH HOA (Nguyễn Văn Ngọc)

A Q CHÍNH TRUYỆN (Đặng Thái Mai dịch)

NGÂM NGÀI TÌM TRẦM (Phan Tịnh)

LA SƠN PHU TỬ (Hoàng, Xuân Hân)

NGUYEN (Nguyễn Tuấn)

GƯƠI HƯƠNG CHO GIÓ — TRƯỜNG CA

và PHẤN THÔNG VANG (Xuân Diệu)

MỘT QUYỀN SÁCH LÀM CHẤN ĐỘNG DƯ LUẬN

Lịch sử

ĐẠO THIÊN CHÚA ở Việt nam

Xuất bản dưới quyền duyệt-chính của cha L. Cadière và cụ Ứng Hòe

Tựa của đức Khâm-Mạng tòa Thánh ở Đông-dương

Bản viết của
HỒNG LAM

Chủ giải của
cha L. CADIÈRE

Đã có bán khắp các hiệu sách lớn và ở :

Dai-việt thiên ban

50 bis, Avenue Khải-Định — HUẾ

— Mua sách xin gửi 8\$00 tiền sách và 1\$20 tiền gửi và tiền gói —

MỚI XUẤT BẢN

Le Capitaine DO HUU VI

PAR S. E. PHẠM - QUỲNH
MINISTRE DE L'INTÉRIEUR

Một cuốn sách hay của thư-xã Alexandre de Rhodes, dày 50 trang, khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của NGUYỄN TIẾN LÃNG. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu.

Một áng văn kiệt-tác của cụ Thượng PHẠM, mà trong thời-buổi này, thanh-niên Nam-Việt ai ai cũng nên ngắm đọc và suy nghĩ.

Bản thường . . . 0\$50

Bản giấy tốt . . . 3, 00

Cước . . . 0, 32

Tổng phát hành ;

MAI LÍNH

21, rue des Pipes, HANOI